

THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH NINH THUẬN



Số 13

2023



Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. TRƯƠNG TIẾN HƯNG

Chỉ đạo nội dung
TS. TRƯƠNG TIẾN HƯNG

Ban biên tập
ThS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN
ThS. LÊ NAM LỮ
ThS. MAI VĂN TRỤ
PHAN THỊ THANH KIỀU

Trình bày kỹ thuật
VŨ VĂN VÂN
THÁI LÊ MINH TRANG

Lưu hành nội bộ

Địa chỉ
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH NINH THUẬN
168, ĐƯỜNG 21/8, PHƯỚC MỸ
- TP PHAN RANG-THÁP CHÀM
ĐT : (0259) 3831076

Website:
<https://truongchinhtri.ninhthuan.gov.vn>

Ảnh bìa 1:
Đoàn viên công đoàn Trường
Chính trị Ninh Thuận và Đại
biểu công đoàn cấp trên dự
Đại hội CĐSC Trường Chính
trị khóa XI (2023-2028)

Mục Lục
HỌC TẬP TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH
HỒ CHÍ MINH

- ❖ ThS. LÊ THỊ THU HIỀN - Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và ý nghĩa hiện thời.2
- ❖ ThS. BÙI THỊ HƯƠNG - Tinh thần đổi mới đất nước qua tác phẩm Di chúc của Hồ Chí Minh và ý nghĩa đối với mỗi giảng viên tại Trường Chính trị trong giai đoạn hiện nay.5
- ❖ ThS. TRẦN THU HƯƠNG - Giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.9
- ❖ TRẦN THỊ HUYỀN TRANG - Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về Quyền bình đẳng của Phụ nữ ở Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận12
- ❖ ThS. TRẦN THỊ THU HƯƠNG - Sự vận dụng tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua chỉ đạo cải cách ruộng đất (1953-1956) vào công tác vận động Nông dân hiện nay15

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG,
ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM
SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH

- ❖ TS. TRƯƠNG TIẾN HƯNG - Trường Chính trị Ninh Thuận thực hiện nhiệm vụ chính trị góp phần thực hiện thắng lợi chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.20

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ❖ ThS. TRẦN THỊ LỆ THỦY - Một số giải pháp nhằm nâng cao nghiên cứu thực tế tại Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận.....26
- ❖ NGUYỄN THỊ NGÀ - Một số giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số tại tỉnh Ninh Thuận.....29
- ❖ THÁI LÊ MINH TRANG - Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử và vận dụng vào bài Quản lý Ngân sách địa phương33
- ❖ VŨ VĂN VÂN - Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở xã Lâm Sơn huyện Ninh Sơn. Thực trạng và giải pháp36
- ❖ TRỊNH THỊ BÍCH NGÂN - Hiệu quả trong công tác dân vận của xã Phước Hòa huyện Bắc Ái.39
- ❖ VŨ THỊ KIM LOAN - Đảm bảo quyền tự do Tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật.....42

THÔNG TIN - SỰ KIỆN

- ❖ ThS. LƯU TÍCH THÁI HÒA - Bàn về giá trị của quyền sử dụng đất sát với giá đất trên thị trường trong dự thảo Luật Đất đai năm 2023.....46
- ❖ NGUYỄN THÀNH LĨNH - Những điểm mới về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp theo Nghị định số 98/2022/NĐ-CP48
- ❖ ThS. PHẠM HƯNG LONG - Một số điểm mới của Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 5/3/2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp50

Giấy phép xuất bản số: 16/GP-STTTT
do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 13/7/2023
In tại Công ty Cổ phần In Ninh Thuận, số lượng 110 cuốn, khổ 20x29cm
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/2023.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG VÀ Ý NGHĨA HIỆN THỜI

❖ ThS. Lê Thị Thu Hiền
[Trưởng khoa LLCS]

Tóm tắt: Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trọng đại trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Với Cương lĩnh chính trị đúng đắn, Đảng đã lãnh đạo dân tộc Việt Nam vượt qua bao khó khăn, thử thách, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Cho đến nay, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng vẫn giữ nguyên giá trị, vẫn là ngọn cờ dẫn lối cho cách mạng Việt Nam tiến bước trên con đường mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc đã lựa chọn, nhất là tư tưởng đại đoàn kết dân tộc đã được minh chứng.

Từ khóa: Cương lĩnh chính trị đầu tiên; Đại đoàn kết dân tộc; ý nghĩa.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng đã đề cập khá toàn diện đến vấn đề đại đoàn kết từ vị trí, vai trò, nội dung, nguyên tắc phương pháp, tập hợp tổ chức lực lượng cách mạng, nhằm phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của dân tộc, của quốc tế trong sự nghiệp đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: Đảng chủ trương xây dựng khối đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và các tổ chức cách mạng, chỉ đánh đổ những lực lượng và đảng phái phản cách mạng: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt,...) để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt

phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v..) thì phải đánh đổ”⁽¹⁾. Cương lĩnh chính trị của Đảng chỉ rõ giai cấp lãnh đạo và lực lượng chính, động lực chủ yếu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam là: “Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chính, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được”⁽²⁾. Bởi theo Người, đại đoàn kết là nền tảng cơ sở cho sự thống nhất trong khác biệt nhằm tập hợp lực lượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của một đất nước tiềm lực kinh tế, quân sự không lớn, người không đông, lại phải đối mặt với các thế lực đế quốc đầu sỏ.

Cương lĩnh cũng xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Cách mạng Việt Nam gắn liền với cách mạng thế giới, đề cao vấn đề đoàn kết quốc tế là sự kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, lợi ích dân tộc và lợi ích toàn nhân loại tiến bộ đang đấu tranh để giải phóng khỏi ách áp bức, bất công trên thế giới.

Với cương lĩnh chính trị đúng đắn, ngay từ khi ra đời Đảng đã trở thành lực lượng lãnh đạo, tập hợp xung quanh mình toàn thể dân tộc làm cách mạng. Chủ tịch

(1) ĐCSVN: Văn kiện Đảng Toàn tập, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.4.

(2) ĐCSVN: Văn kiện Đảng Toàn tập, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.4.

Hồ Chí Minh khẳng định: “Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường”⁽³⁾.

Dưới ánh sáng soi đường của Cương lĩnh, Đảng ta đã dẫn dắt toàn dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và đang trên đường xây dựng nước Việt Nam giàu, mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Quán triệt sâu sắc, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên, Đảng ta khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc ở Việt Nam là sự liên kết, gắn bó tất cả các thành viên các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác, người đã nghỉ hưu và mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài thành một khối vững chắc, ổn định, lâu dài nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Trong khối đại đoàn kết đó, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là lực lượng nòng cốt, đồng đạo nhất, đồng thời là cơ sở vững chắc của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thông qua khối liên minh này, Đảng và Nhà nước có thể tập hợp, vận động các

tầng lớp nhân dân lao động khác tham gia quản lý nhà nước, làm chủ xã hội, làm cho lợi ích giai cấp gắn chặt với lợi ích dân tộc, tạo đồng thuận cao trong xã hội.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đổi mới toàn diện, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng càng có ý nghĩa quan trọng. Đây là cơ sở để Đảng ta hoạch định cương lĩnh, đề ra đường lối, chủ trương đại đoàn kết dân tộc phù hợp với tình hình, yêu cầu và nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng trong bối cảnh mới, kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thực tế, các cuộc vận động xã hội, các phong trào thi đua yêu nước sâu rộng do Mặt trận và các tổ chức thành viên phát động và triển khai thực hiện ngày càng đi vào cuộc sống, được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng. Trong đó, đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, lá lành đùm lá rách, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ chăm sóc sức khỏe của nhân dân, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống tội phạm, ma túy, mại dâm, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác cùng với cuộc vận động xã hội, các phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Ngày vì người nghèo”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”,... không chỉ có tác dụng thiết thực, tạo nên sự gắn kết cộng đồng mà còn góp phần làm cho tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân, tạo động lực thúc đẩy phát triển đất nước

(3) Hồ Chí Minh Toàn tập, t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.9.

nhANH và bền vững, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng không chỉ có ý nghĩa xã hội mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi cơ quan, đơn vị. Bởi chỉ có tập thể cơ quan đoàn kết mới có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao phó.

Đối với Trường Chính trị Ninh Thuận, đoàn kết là nội dung mà Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường luôn quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Đảng ủy Trường đều lãnh đạo phát động thi đua trên tinh thần đoàn kết để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, chú trọng xây dựng một tập thể đoàn kết, đồng thời trong công tác chính trị, tư tưởng luôn định hướng xây dựng ý thức đoàn kết đối với cán bộ, giảng viên, quán triệt các nguyên tắc đoàn kết trong lãnh đạo, thực hiện nhiệm vụ, đó là tin tưởng, sẵn sàng giao nhiệm vụ, động viên cán bộ, giảng viên trường không chỉ hoàn thành mà còn phải hoàn thành vượt định mức cả nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế được giao gắn với xây dựng mô hình “Mỗi viên chức Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận là tấm gương sáng cho học viên noi theo”, góp phần thực hiện Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 26/7/2022 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về xây dựng Trường Chính trị Ninh Thuận đạt chuẩn mức 1 vào năm 2025 thành công, quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của viên chức, giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích giữa các cá nhân trong đơn vị. Nhờ đó, hàng năm Trường luôn được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, nhận được nhiều giấy khen, bằng khen của các cơ quan cấp trên.

Là khoa trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu và giảng dạy trực tiếp học phần A.VII Tư tưởng Hồ Chí Minh trong

chương trình Trung cấp LLCT giảng viên khoa Lý luận cơ sở luôn ý thức tự học tập và làm theo Bác. Từ Lãnh đạo khoa cho tới các giảng viên trong khoa luôn chú ý xây dựng một tập thể khoa đoàn kết, nêu gương, trách nhiệm, đi đầu trong mọi công tác. Để làm được điều đó, việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết có ý nghĩa vô cùng quan trọng, giảng viên Khoa trong mọi điều kiện hoàn cảnh cũng đều nỗ lực, vươn lên thực hiện tốt nhiệm vụ, vận dụng linh hoạt hiệu quả vào nội dung bài giảng, gắn với Chỉ thị 05, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhằm lôi cuốn, định hướng, dẫn dắt gắn thực tiễn sinh động, phong phú với các địa phương của học viên.

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cho đến việc vận dụng tư tưởng của Bác trong các Cương lĩnh sau này của Đảng là cơ sở để giảng viên có cái nhìn khái quát, toàn diện và sâu sắc về tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là căn cứ quan trọng khi giảng viên giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng.

Có thể khẳng định rằng, bài học đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng trở nên sống động và mang tính thời sự, ý nghĩa hết sức quan trọng trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ để đón nhận những cơ hội cùng thách thức lớn của quá trình hội nhập ngày một sâu, rộng. Vì vậy việc học tập tư tưởng của Bác ngay từ Cương lĩnh đầu tiên của Đảng là thật sự cần thiết, bởi đó là ngọn cờ dẫn đường góp phần tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đảm bảo thể và lực cho đất nước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. □

TINH THẦN ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC QUA TÁC PHẨM DI CHÚC CỦA HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI MỖI GIẢNG VIÊN TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

❖ ThS. Bùi Thị Hương
[GV. Khoa Lý luận cơ sở]

Tóm tắt: *Tinh thần đổi mới đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh được cô đọng lại trong tác phẩm Di chúc cho đến hôm nay vẫn nguyên giá trị và có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp xây dựng phát triển đất nước và đối với mỗi cán bộ, đảng viên nói chung, giảng viên tại các Trường Chính trị nói riêng. Tiếp thu tinh thần đổi mới, sáng tạo qua Di chúc của Người, đội ngũ giảng viên các Trường Chính trị đã có sự đổi mới, sáng tạo từ phương pháp giảng dạy đến công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị.*

Từ khoá: *Hồ Chí Minh, Di chúc, giảng viên Trường Chính trị.*

Di chúc được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong thời gian hơn 4 năm từ năm 1965 đến năm 1969, mỗi năm khoảng 10 ngày vào dịp sinh nhật, mỗi ngày khoảng một giờ. Những năm tháng Người viết Di chúc là lúc đất nước đang ở đỉnh cao của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Trong Di chúc những gì viết về quá khứ, hiện tại cũng nhằm làm bộ phận cho tương lai. Di chúc bàn nhiều về tương lai, không phải tương lai xa, mà là ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi. Di

chúc chủ yếu viết về kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, đàng hoàng hơn trước chiến tranh. Với tinh thần trách nhiệm cao trước Tổ quốc, dân tộc và nhân loại, Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta một văn kiện lịch sử vô giá, một tài liệu đặc biệt ý nghĩa, mang hơi thở đổi mới sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta giành thắng lợi. Tác phẩm trở thành cuốn sách gối đầu giường cho mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là mỗi giảng viên Trường Chính trị trong quá trình thực hiện học tập và làm theo để không ngừng đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ chính trị và không ngừng xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu mạnh hơn.

Hồ Chí Minh là hiện thân của tinh thần đổi mới, từ lúc ra đi tìm đường cứu nước năm 1911 đến tận cuối đời, Người luôn đổi mới, sáng tạo và phát triển. Người không chấp nhận hệ tư tưởng Nho giáo và tư sản vì những hệ tư tưởng này đã trở nên bất lực và thất bại trước nhiệm vụ lịch sử. Đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Người coi đó là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi; là kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam và Người đã có sự bổ sung, phát triển, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cách mạng nước ta. Tinh thần đổi mới đất nước của Hồ Chí Minh được

cô đọng lại trong tác phẩm Di chúc, cho đến hôm nay vẫn nguyên giá trị và có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp xây dựng phát triển đất nước và đối với mỗi cán bộ, đảng viên.

1. Tinh thần đổi mới đất nước sau chiến tranh của Hồ Chí Minh

Thứ nhất, tinh thần đoàn kết xây dựng lại đất nước sau chiến tranh. Nói đến Đảng, Hồ Chí Minh nhấn mạnh tới đoàn kết với ý nghĩa là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và Nhân dân ta. Tinh thần đoàn kết trong Di chúc mang hơi thở của sự đổi mới, đoàn kết từ các đồng chí Trung ương đến các chi bộ và phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Để thực hiện được điều đó thì Đảng cần phải thực hành dân chủ rộng rãi và thường xuyên, nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình, phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau. Trong Di chúc, Người mong muốn: toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Năm 1968, Người viết về “những chiến sĩ trẻ tuổi trong các lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong là đội quân chủ lực trong công cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Khái niệm “giàu mạnh” ở đây là cả kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và “giàu mạnh là phải có một sức mạnh tổng hợp theo cách hiểu “dân giàu, nước mạnh hiện nay”. Trong thời đại ngày nay, hoà bình, hợp tác và phát triển là xu thế lớn.

Điều này được thể hiện trong Di chúc với việc Người bàn đến vấn đề “đi thăm và cảm ơn các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa, và các nước bầu bạn khắp năm châu”. Việc mong muốn nước ta góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới thể hiện tinh thần hợp tác và phát triển.

Thứ hai, Đảng phải chủ động có kế hoạch thật tốt để xây dựng lại đất nước sau chiến tranh. Di chúc viết tháng 5/1965 nhấn mạnh: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”. Phần viết thêm tháng 5/1968 cho thấy tầm nhìn xa trông rộng đối với tinh thần đổi mới trong quá trình xây dựng đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh. Người tin chắc vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và có kế hoạch sẵn sàng, chu đáo tránh bị động, thiếu sót, sai lầm để xây dựng lại nước nhà sau chiến tranh. Trong Di chúc, Hồ Chí Minh xem kế hoạch xây dựng lại đất nước sau chiến tranh “là công việc rất to lớn, nặng nề và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là cuộc chiến đấu khổng lồ chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”⁽¹⁾. Cái cũ kỹ, hư hỏng trong cuộc chiến đấu khổng lồ không phải là vật chất, nhà cửa, thành phố, làng mạc, mà là tổ chức, con người, tư tưởng. Vì vậy mà việc cần làm trước tiên là phải chỉnh đốn lại Đảng. Đây là tư duy đổi mới rất độc đáo trong Di chúc.

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQGST, H.2011, t12, tr.505.

Thứ ba, phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ. Di chúc nói đến sự kế tiếp các thế hệ và phải dựa vào thế hệ trẻ, đồng thời bàn đến tư duy của ngày hôm nay: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên””.

Thứ tư, quan tâm đối với con người. Để xây dựng lại đất nước, Hồ Chí Minh quan tâm đầu tiên là việc đối với con người, nhưng không chỉ dừng lại ở cơm ăn, áo mặc mà quan trọng hơn là lo công ăn việc làm thích hợp, mở lớp dạy nghề, đào tạo, bồi dưỡng, cử đi học các ngành các nghề... để tạo ra lực lượng chủ lực cho sự nghiệp xây dựng nước nhà. Người nhấn mạnh: “Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu không lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”⁽²⁾. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng thể hiện tinh thần đổi mới là dựa vào dân, bởi có dân là có tất cả. Ngoài ra, Người còn đề cập tới vấn đề môi trường như “hoà táng” để tốt về mặt vệ sinh, trồng cây để lợi cho nông nghiệp, phong cảnh và thành rừng. Người còn bàn đến việc mở rộng các ngành kinh tế, phát triển công tác vệ sinh, y tế, sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh của Nhân dân. Đây cũng chính là tư duy của triết lý phát triển đất nước hôm nay.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQGST, H.2011, t12, tr.505.

2. Ý nghĩa của tinh thần đổi mới đất nước qua Di chúc Hồ Chí Minh đối với mỗi giảng viên tại Trường Chính trị trong giai đoạn hiện nay

Tinh thần đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua Di chúc, soi đường cho mỗi cán bộ, đảng viên nói chung, giảng viên nói riêng tại Trường Chính trị hôm nay trong quá trình công tác cũng như quá trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Đối với công tác giảng dạy: đội ngũ giảng viên các Trường Chính trị tiếp thu tinh thần đổi mới thông qua tác phẩm Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh để từ đó lấy học viên làm trung tâm, sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, phát huy vai trò học viên thông qua các hình thức trao đổi thảo luận, để học viên nêu lên chính kiến. Điều này sẽ buộc học viên phải nghiên cứu tài liệu, phân tích, mổ xẻ vấn đề trên nhiều khía cạnh khác nhau, tham gia đóng góp, tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình. Định hướng cho học viên vạch ra kế hoạch tự học của cá nhân, giảng viên đề ra kế hoạch dạy học cụ thể toàn bộ học phần hoặc từng bài; cung cấp trước cho học viên nghiên cứu để biết mình sẽ làm gì và làm như thế nào trong quá trình học tập ở mỗi bài, mỗi phần. Cùng với đó, giảng viên sẽ có sự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của học viên, qua đó cung cấp thêm thông tin cho giảng viên để điều chỉnh việc hướng dẫn tự học cho học viên. Đội ngũ giảng viên cùng với việc vận dụng các Chỉ thị, Nghị quyết và thực tiễn đơn vị, địa phương, đất nước vào bài giảng đã tích cực tham gia việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của

Đảng. Qua đó, khẳng định những thành quả cách mạng mà Đảng, tạo thêm niềm tin của mỗi học viên đối với Đảng và công cuộc đổi mới hiện nay, cùng tham gia tích cực vào quá trình xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, giàu mạnh.

Thông qua quá trình giảng dạy giúp học viên có những nhận thức mới, đúng đắn trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước cũng như quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đồng thời mạnh dạn vận dụng những tư duy đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thực tiễn công tác ở địa phương để có sự đổi mới, sáng tạo, chăm lo đời sống Nhân dân.

Đối với công tác nghiên cứu khoa học: đội ngũ giảng viên các Trường Chính trị đã có sự sáng tạo, đổi mới và có nhiều bài viết, có nhiều đề tài sâu sát hơn với thực tiễn, ứng dụng linh hoạt phần mềm công nghệ thông tin trong quá trình điều tra, khảo sát, thăm dò ý kiến giúp cho khâu xử lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và những giải pháp đề ra mang tính thực tiễn.

Đối với công tác nghiên cứu thực tế: đội ngũ giảng viên các Trường Chính trị đã tăng cường đi về cơ sở để nghiên cứu thực tế vận dụng vào bài giảng giúp cho bài giảng sinh động, gắn liền với hơi thở cuộc sống.

Là một giảng viên đang công tác tại Trường Chính trị Ninh Thuận, tiếp thu tinh thần đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua tác phẩm Di chúc, bản thân

luôn nêu cao tinh thần đoàn kết trong nội bộ cơ quan, đoàn kết với học viên và nhân dân nơi cư trú và luôn có tinh thần cùng cố, giữ gìn hòa bình đất nước, hòa bình đối với nhân loại; chủ động xây dựng kế hoạch công tác, kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế và đã không ngừng rèn luyện các phẩm chất đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đấu tranh chống lại chủ nghĩa cá nhân và luôn giữ gìn uy tín, danh dự của một nhà giáo. Đồng thời không ngừng phấn đấu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế và có sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo các Chỉ thị, Nghị quyết vào bài giảng, tích cực thực hiện việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Hôm nay, dù đã đi xa nhưng bản Di chúc bất hủ sáng ngời tính thời sự của Người vẫn nguyên vẹn giá trị, bởi vì nó không chỉ chứa đựng tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, nhân cách, bản lĩnh, tinh thần lạc quan của một lãnh tụ cả cuộc đời vì nước, vì dân, không dính líu gì với vòng danh lợi, mà còn hướng tới tương lai, soi đường cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt qua thử thách, làm nên những thắng lợi huy hoàng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bản Di chúc soi sáng cho mỗi giảng viên Trường Chính trị không ngừng nỗ lực, phấn đấu đổi mới, sáng tạo trong quá trình công tác, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại các Trường Chính trị, hướng đến thực hiện tốt các tiêu chí Trường Chính trị chuẩn. □

GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG CHO GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

❖ ThS. Trần Thu Hương
[GV. Khoa Lý luận cơ sở]

Tóm tắt: Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đặc biệt là giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị cho giai cấp công nhân. Bài viết, tập trung làm rõ nội dung tư tưởng của Hồ Chí Minh về giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân và vận dụng trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, giai cấp công nhân, giáo dục chính trị, tư tưởng

Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, giai cấp công nhân đều giữ vai trò lãnh đạo”⁽¹⁾. Để xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm loại bỏ những biểu hiện tiêu cực thờ ơ, suy thoái trong lập trường, tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, giáo dục chính trị, tư tưởng có vai trò to lớn đối với sự trưởng thành và phát triển của giai cấp công nhân; là việc làm cần thiết để nâng cao trình độ lý luận chính trị, phẩm chất chính trị cho giai cấp công nhân.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân được thể hiện trên các nội dung sau:

Thứ nhất, về nội dung giáo dục chính trị cho giai cấp công nhân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho công nhân là một nội dung lớn. Trong bài viết Cải tiến việc quản lý xí nghiệp, đăng trên báo Nhân dân năm 1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Trong công cuộc xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, về công nghiệp, các xí nghiệp phải cải tiến chế độ quản lý và muốn vậy thì trước hết phải tăng cường giáo dục chính trị và nâng cao tư tưởng của cán bộ và công nhân”⁽²⁾. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ ra nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng bao gồm: giáo dục sứ mệnh lịch sử, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, quan điểm của Đảng; chính sách, pháp luật của nhà nước và quyết định của các tổ chức chính trị-xã hội mà công nhân là thành viên; giáo dục đạo đức cộng sản; giáo dục tinh thần đoàn kết...

Thứ hai, về phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, giáo dục muốn hiệu quả thì phải xác định đúng đối tượng để đề ra nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp. Có nội dung giáo dục tốt nhưng phương pháp giáo dục không phù hợp thì cũng không đem lại hiệu quả giáo dục như mong đợi. Trong lĩnh vực giáo dục chính trị, tư tưởng cho công nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh chú trọng tuyên truyền, vận động: “dùng các cuộc nói chuyện, báo chí để tuyên truyền những tư tưởng cộng

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.256

(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.256

sản chủ nghĩa,... và các cuộc thảo luận về đấu tranh giai cấp”⁽³⁾. Một điểm đặc biệt trong phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân của Người là giáo dục thông qua các hoạt động thực tiễn; Do vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi việc tổ chức các phong trào thi đua yêu nước là một phương pháp giáo dục chính trị, tư tưởng hiệu quả.

Thứ ba, về vai trò của giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm đào tạo những chiến sĩ tiên tiến phấn đấu cho sự nghiệp của giai cấp vô sản. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân được xác định là một bộ phận trong công tác tư tưởng của Đảng nhằm xây dựng giai cấp công nhân trở thành những chiến sĩ tiên phong trên mọi mặt trận, nhiệt tình cách mạng, tự giác và tích cực trong quá trình xây dựng đất nước. Vai trò tiên phong của giai cấp công nhân được thể hiện rõ nhất trong hoạt động sản xuất tại các nhà máy, xí nghiệp nên Hồ Chí Minh căn dặn: “Muốn cải tiến quản lý xí nghiệp, thì trước hết phải tăng cường việc giáo dục chính trị, tư tưởng của cán bộ và công nhân”⁽⁴⁾. Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng thì nhận thức của công nhân về vị trí, vai trò làm chủ của mình được củng cố, họ sẽ sẵn sàng “xả thân” cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và sau này là cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Kế thừa những tư tưởng của Hồ Chí Minh về giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân, sau hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, do Đảng Cộng sản

Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, giai cấp công nhân là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Tổng số lao động làm công hưởng lương trong các loại hình doanh nghiệp ở nước ta có khoảng 24,5 triệu người, trong đó công nhân, lao động trong các doanh nghiệp chiếm khoảng 60%, chiếm tỷ lệ khoảng 14% số dân và 27% lực lượng lao động xã hội⁽⁵⁾.

Tuy nhiên, trong điều kiện nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, trước sự phát triển với tốc độ ngày càng nhanh của khoa học, kỹ thuật, giai cấp công nhân nước ta còn bộc lộ một số hạn chế, đặc biệt là công nhân tại các doanh nghiệp ngoài nhà nước. Trình độ học vấn, chuyên môn, tay nghề của giai cấp công nhân còn thấp, lao động qua đào tạo. Vấn đề nhà ở và các thiết chế xã hội phục vụ giai cấp công nhân còn nhiều bất cập, khoảng gần 54% hiện nay có đời sống khó khăn⁽⁶⁾. Lợi ích của một bộ phận công nhân được hưởng chưa tương xứng với những thành tựu của công cuộc đổi mới. Cùng với, những khó khăn về đời sống của giai cấp công nhân.

Vấn đề đặt ra hiện nay đối với giai cấp công nhân, ít có điều kiện tham gia sinh hoạt chính trị - xã hội, ít được thông tin, tuyên truyền, nên ý thức giác ngộ giai cấp, nhận thức chính trị, nhận thức về Đảng, hiểu biết về chính sách, pháp luật của nhà nước còn hạn chế. Không ít công nhân chưa nhận thức đầy đủ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp mình; ý chí phấn đấu, ý thức tổ chức kỷ luật, tính tiên phong gương

(3) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.126

(4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.256

(5) Nguồn lao động Việt Nam năm 2022.

(6) Nguồn lao động Việt Nam năm 2022.

mẫu của một bộ phận công nhân giảm sút. Chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, cơ hội có điều kiện phát triển nhanh chóng. Một bộ phận công nhân còn bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn xã hội, sống buông thả, phai nhạt lý tưởng, thậm chí có những biểu hiện bất mãn, nhận thức lệch lạc, dễ bị các thế lực thù địch lôi kéo, kích động suy thoái về đạo đức, lối sống, xa rời bản chất tốt đẹp của giai cấp công nhân, gây ảnh hưởng đến doanh nghiệp và hình ảnh giai cấp công nhân công nhân Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. Năm 2022 có khoảng hơn 40 cuộc đình công, ngưng việc tại một số khu công nghiệp⁽⁷⁾.

Nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng trên là do những hạn chế nhất định còn tồn tại trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân. Nhiều tổ chức, cá nhân chưa nhận thức đúng và đầy đủ tầm quan trọng của công tác giáo dục giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân nhất là trong bối cảnh đất nước có nhiều thay đổi. Một số doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; việc quán triệt học tập nghị quyết, đường lối của Đảng, phổ biến chính sách, pháp luật của nhà nước. Nội dung, phương thức công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chậm đổi mới, khô cứng, chưa thật gắn kết. Một số doanh nghiệp chưa thực sự vào cuộc cùng với một số cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong giáo dục đạo đức, lối sống, bản lĩnh chính trị, giác ngộ giai cấp cho giai cấp công nhân.

Thực tế trên đặt ra yêu cầu phải đổi mới và tăng cường tuyên truyền, giáo dục cho giai cấp công nhân sống có bản lĩnh chính trị, có niềm tin và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã

hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Từ thực tiễn và nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân, bản thân là giảng viên Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận với chuyên ngành chủ nghĩa xã hội khoa học, nhận thấy được ý nghĩa, giá trị và sự vận dụng những tư tưởng, quan điểm mang tính khoa học của Hồ Chí Minh trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Cụ thể, bài 18: Một số quy luật, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học thuộc học phần A.VII- Chương trình trung cấp lý luận chính trị, giảng viên sẽ làm rõ được nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về nội dung kinh tế; chính trị-xã hội; văn hóa- tư tưởng; đặc biệt phân tích được vai trò của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân để góp phần thực hiện nghị quyết Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân”⁽⁸⁾. Với mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, có ý thức giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức công dân, yêu nước, tiêu biểu cho tinh hoa văn hóa của dân tộc; vững vàng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi của tình hình trong nước; có tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết, hợp tác quốc tế; thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp công nhân không chỉ có trí tuệ mà cần phải có bản lĩnh chính trị vững vàng. □

(7) Nguồn lao động Việt Nam năm 2022.

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. CTQGST, H.2021, tập 1, tr.166

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA PHỤ NỮ Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH NINH THUẬN

❖ Trần Thị Huyền Trang

[GV. Khoa Nhà nước và Pháp luật]

Tóm tắt: Không chỉ khẳng định vai trò, vị trí của người phụ nữ trong các phong trào cách mạng cũng như trong sự nghiệp xây dựng đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn quan tâm sâu sắc đến phong trào đấu tranh đòi quyền bình đẳng cho phụ nữ. Chính vì vậy, phụ nữ ngày nay đã khẳng định được vị thế của mình trong mọi lĩnh vực, là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong tiến trình phát triển của xã hội.

Từ khóa: quyền bình đẳng của phụ nữ, Hồ Chí Minh

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn quan tâm đến vấn đề quyền bình đẳng của phụ nữ Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao tinh thần yêu nước và sự đóng góp to lớn của phụ nữ Việt Nam: “Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ”. Người khẳng định: Cách mạng muốn thành công thì phải khơi dậy được sức mạnh của phụ nữ và phải xóa bỏ mọi rào cản hạn chế sự tham gia của họ. Người đề cao đức hy sinh của họ, cảm thông sâu sắc với nỗi khổ của phụ nữ, tạo điều kiện để phụ nữ được giải phóng, kêu gọi phụ nữ tự đứng lên tham gia cách mạng. Người với tư cách là người đứng đầu Đảng và Nhà nước, luôn tạo điều kiện để đảm bảo “nam nữ bình quyền” cả về các văn bản quy định mang tính pháp lý lẫn hành động thực tiễn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn 2 điều quan trọng trong bản Di chúc của mình: đó là “Đảng và Chính phủ cần phải

có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ phụ nữ, để ngày càng thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả việc lãnh đạo” và “Bản thân phụ nữ phải cố gắng vươn lên”. Theo Người “Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ”. Bản thân mỗi người phụ nữ muốn tự giải phóng và khẳng định vị trí, vai trò của mình đối với xã hội thì phải đoàn kết cùng nhau bảo vệ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Ngoài ra, Phụ nữ cần phải nỗ lực học tập, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, phát huy tối đa vai trò của mình trong mọi lĩnh vực.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng quan điểm “đàn bà phải quanh quẩn trong bếp”⁽¹⁾ có thể dẫn đến việc người phụ nữ như bị trói buộc, không được mở rộng hoạt động ra phạm vi xã hội, không có cơ hội phát huy khả năng của mình, khiến cho họ trở nên lạc hậu, kém cỏi trong sự đánh giá của xã hội và thậm chí là của chính những người thân trong gia đình. Để tạo hoàn cảnh thuận lợi cho phụ nữ Việt Nam phát huy năng lực cho sự phát triển của đất nước, Hồ Chí Minh đã rất quan tâm đến vấn đề giáo dục phổ thông. Bởi vì thực tế chủ trương “nam nữ bình quyền” này sẽ khó có thể thực hiện nếu trình độ dân trí không được nâng lên, nếu chế độ giáo dục vẫn chịu ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến. Vì vậy, cùng với vấn đề “nam nữ bình quyền”, trong Cương lĩnh Chính trị đầu tiên, Chủ tịch Hồ Chí

(1) Hồ Chí Minh (2009), Toàn tập, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.448

Minh đã nêu vấn đề “phổ thông giáo dục theo công nông hóa”⁽²⁾ để nâng cao trình độ dân trí và để tạo điều kiện cho trẻ em gái được đi học. Đây chính là điều kiện quan trọng nhất để có thể thay đổi cách nhìn nhận đánh giá của xã hội về vai trò của người phụ nữ, và là điều kiện để người phụ nữ tự ý thức được khả năng, vai trò vị trí của mình, để tạo cơ hội cho họ được tự vươn lên cùng với sự ủng hộ giúp đỡ, tạo điều kiện của xã hội.

Ngoài ra, để hiện thực hóa quan điểm nam nữ bình quyền, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến quyền được bầu cử, ứng cử của phụ nữ, mà còn rất quan tâm đến cả việc bồi dưỡng, cất nhắc phụ nữ vào phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo. Bởi vì Người luôn đề cao phụ nữ với phẩm chất, tố chất và cả vai trò của họ trong xã hội nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng. Người thường xuyên nhắc nhở các đơn vị, địa phương cần quan tâm đến công tác phụ nữ, tạo điều kiện để phụ nữ tham gia học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, kết nạp Đảng, giữ các vị trí quan trọng trong bộ máy của hệ thống chính trị.

Trong những năm qua, Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận đã luôn quan tâm và tạo điều kiện cho viên chức nữ được học tập nâng cao trình độ. Ngoài việc cử cán bộ nữ đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch của Học viện, Trường còn tạo điều kiện cho các viên chức là nữ đi học để nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Tính đến hiện nay, tổng số công chức, viên chức, người lao động toàn Trường có 25/36 viên chức, người lao động là nữ, Ban chấp hành Đảng bộ Trường hiện có 03/06 đồng

chí là nữ (chiếm 50 %), có 06/11 đồng chí nữ là lãnh đạo phòng, khoa và Nhà trường. Ban nữ công Trường được tổ chức, sinh hoạt điều đặn với 25 nữ viên chức, người lao động. Trường đã có 08 nữ đồng chí có trình độ cao cấp lý luận chính trị, 06 cán bộ nữ có trình độ trung cấp lý luận chính trị và 02 đồng chí đang học trung cấp lý luận chính trị; 10 đồng chí cán bộ nữ có trình độ thạc sĩ, 03 đồng chí đang học thạc sĩ và 01 đồng chí đang đi học lớp nghiên cứu sinh. 100% giảng viên nữ tham gia học tập lớp Bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngoài ra, hàng năm, Trường đã cử hàng loạt cán bộ nữ tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức. Bên cạnh đó, Trường cũng luôn thể hiện sự tôn trọng vai trò của phụ nữ qua việc quy hoạch, bố trí, sắp xếp, cất nhắc cán bộ nữ vào các vị trí lãnh đạo như: Phó Hiệu trưởng, Trưởng, Phó khoa, Phòng, Đoàn thể,... Tỷ lệ cán bộ nữ giữ cương vị chủ chốt ở Ban Giám hiệu và các khoa, phòng của Nhà trường hiện nay là trên 80%. Việc thực hiện quy chế dân chủ trong Nhà trường luôn được phát huy, những ý kiến đóng góp của nữ cán bộ luôn được tôn trọng và bình đẳng với các cán bộ nam.

Đối với quyền lợi của phụ nữ trong điều kiện lao động và thụ hưởng thành quả của lao động, Trường luôn thực hiện chu đáo và đầy đủ các quyền lợi của cán bộ nữ theo đúng chính sách của Nhà nước và điều kiện riêng của đơn vị. Hàng năm, Trường đều phát động các phong trào thi đua như: Thi giảng viên dạy giỏi cấp Trường, cấp Học viện; thi đua đoàn viên công đoàn xuất sắc; các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật,... cho cán bộ giảng viên Nhà trường và có chế độ khen thưởng thi đua công bằng và bình đẳng. Những nữ cán bộ trong diện thai sản

(2) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, t.3, tr.1.

đều được hưởng quyền lợi nghỉ ngơi và chế độ phụ cấp đầy đủ, kịp thời theo quy định. Những cán bộ nữ ốm đau, hoặc gia đình có người thân nằm viện, hay qua đời, đều được Nhà trường thăm hỏi, động viên cả về vật chất và tinh thần,...

Để nâng cao vị trí, vai trò của người phụ nữ trong xã hội ngày nay, bản thân đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, lồng ghép vấn đề giới và bình đẳng giới, quyền của phụ nữ vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đặc biệt, phải chú trọng lồng ghép vấn đề bình đẳng giới với những đảm bảo mang tính đặc thù về quyền của phụ nữ vào các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giúp họ có khả năng lồng ghép các chính sách về giới vào các chương trình kinh tế - xã hội ở địa phương có hiệu quả hơn.

Thứ hai, tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, trách nhiệm của các cơ quan trong hệ thống chính trị về bảo đảm bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, tạo sự vận hành đồng bộ của các thiết chế từ Trung ương đến cơ sở, trong đó có Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, nhất là tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị trong chỉ đạo, điều hành, ra quyết định, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện pháp luật và thực thi quyền bình đẳng của phụ nữ trong thực tiễn đời sống; cần nâng cao chất lượng, hiệu quả và sự phối hợp liên ngành thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

Thứ ba, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, từ đó hạn chế tình trạng vi phạm quyền

của phụ nữ. Đây được coi là giải pháp quan trọng góp phần ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.

Thứ tư, bản thân người phụ nữ phải nỗ lực vươn lên, vượt qua rào cản để tiếp cận và hưởng thụ quyền. Phụ nữ phải ý thức được đầy đủ vai trò về giới của mình. Để làm được điều đó, phụ nữ cần có thêm sự tự tin để có bản lĩnh vượt qua định kiến giới và hướng đến mục tiêu tự khẳng định mình. Phụ nữ phải thể hiện mình thật sự có vai trò trong cuộc sống gia đình và ngoài xã hội; tự đào tạo, bồi dưỡng để bù đắp những thiếu hụt của bản thân, để đảm bảo điều kiện cần và đủ sẵn sàng nhận giữ trọng trách mới. Phụ nữ phải có sự tôn vinh lẫn nhau, tránh tình trạng níu kéo nhau giữa cán bộ nữ và xem thái độ ứng xử ấy như một cách khẳng định phẩm chất lãnh đạo của mình.

Trước yêu cầu ngày càng cao của thời kỳ mới, người phụ nữ đã, đang và sẽ thực hiện hài hòa hai việc: việc nhà, việc nước để vừa có cơ hội phát triển cho bản thân, vừa giữ gìn hạnh phúc gia đình. Để phát huy vai trò, vị thế của phụ nữ đối với sự phát triển của xã hội, bên cạnh sự nỗ lực của bản thân, chị em phụ nữ rất cần được ủng hộ, hỗ trợ tích cực từ phía gia đình và xã hội. Mỗi người phụ nữ cần tích cực học tập, rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực công tác để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc sống hiện đại. Bên cạnh đó, các thành viên trong gia đình và xã hội cần tạo điều kiện để phụ nữ có thời gian học tập, tham gia các hoạt động xã hội, có thời gian nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe để vừa thực hiện tốt vai trò của mình trong gia đình vừa đóng góp ngày càng nhiều cho xã hội; từng bước nâng cao vị thế của bản thân cũng như xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ. □

SỰ VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG CƠ BẢN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH QUA CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT (1953 - 1956) VÀO CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG NÔNG DÂN HIỆN NAY

❖ ThS. Trần Thị Thu Hương
[GV.Khoa Xây dựng Đảng, Đoàn thể]

Tóm tắt: Qua những bài viết, bài nói chuyện về vấn đề cải cách ruộng đất những năm 1953 - 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện hai tư tưởng cơ bản: Giai cấp nông dân Việt Nam có vai trò to lớn đối với sự nghiệp cách mạng và lợi ích chính đáng của nông dân cần được chú trọng giải quyết; trách nhiệm của hệ thống chính trị mà nòng cốt là Hội Nông dân trong thực hiện công tác vận động nông dân. Những quan điểm cơ bản của Người vẫn còn nguyên giá trị trong công tác vận động nông dân hiện nay.

Từ khóa: Vận dụng, tư tưởng, Hồ Chí Minh, cải cách ruộng đất, nông dân.

1. Tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua chỉ đạo cải cách ruộng đất trong những năm 1953-1956

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam suốt đời đấu tranh để “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”⁽¹⁾. Để thực hiện “ham muốn tốt bậc” đó, Người cùng với Đảng ta đã chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam đấu tranh chống lại các thế lực

ngoại xâm hùng mạnh đồng thời chăm lo đến những quyền lợi chính đáng, nguyện vọng bức thiết của quần chúng Nhân dân. Trong những năm tháng ác liệt của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, Đảng, Chính phủ của nhà nước ta đã đẩy mạnh thực hiện công cuộc cải cách ruộng đất. Với tư cách là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đưa ra những quan điểm chỉ đạo thực hiện công cuộc cải cách ruộng đất.

Những quan điểm chỉ đạo của Người được thể hiện trong rất nhiều bài báo, bài nói chuyện, thư trong giai đoạn 1953-1956 như: Báo cáo tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) (01-1953), Thư gửi Hội nghị nông dân và dân vận toàn quốc, Bài nói tại Hội nghị nông dân và dân vận toàn quốc vào tháng 02/1953, bài “Phóng tay phát động quần chúng” vào tháng 3/1953, Bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ liên hiệp phụ nữ toàn quốc về vấn đề phát động quần chúng nông dân vào tháng 3 năm 1953, bài phát động quần chúng vào tháng 5/1953, Chúng tôi vững tin vào thắng lợi của mình vào tháng 7/1953, Báo cáo trước Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I kỳ họp thứ ba tháng 12 năm 1953, Kinh nghiệm phát động quần chúng vào tháng 8 năm 1954,... Người nhấn mạnh vì sao phải thực hiện cải cách ruộng đất, vì sao

(1) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, t.4, tr. 187.

chọn thời điểm này để thực hiện cải cách ruộng đất, cải cách ruộng đất góp phần như thế nào vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến, cải cách ruộng đất tiến hành như thế nào, trách nhiệm của Đảng, của chính phủ, của nông dân ra sao. Qua đó, Người đã thể hiện rõ tư tưởng cơ bản về giai cấp nông dân và công tác vận động nông dân.

Thứ nhất, giai cấp nông dân Việt Nam có vai trò to lớn đối với sự nghiệp cách mạng và lợi ích chính đáng “có ruộng đất để cày cấy của nông dân” cần được chú trọng giải quyết.

Người cho rằng “nền tảng của vấn đề dân tộc là vấn đề nông dân”, “nền tảng của cách mạng dân chủ cũng là vấn đề nông dân”, “cách mạng của ta là dân tộc dân chủ nhân dân, thực chất là cách mạng nông dân, mà cách mạng nông dân tức là cách mạng ruộng đất”, “nông dân là một lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh rất chắc chắn của giai cấp công nhân” và đã hy sinh nhiều, đóng góp nhiều cho kháng chiến nhưng cuộc sống rất cơ cực, là những người nghèo nhất, có ít hoặc không có ruộng đất, cho đến thời điểm này vẫn bị áp bức bóc lột nặng nề bởi địa tô và nợ “cao lãi”, vẫn chưa được hưởng quyền lợi chính đáng của mình. Do đó “Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, dân chủ nhân dân thật thà thực hiện, thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân”⁽²⁾, phải thi hành một

chính sách ruộng đất mới, phải làm cho nông dân có ruộng cày, có cơm ăn, áo mặc, có nhà ở. Người cho rằng: “Chỉ có thực hiện cải cách ruộng đất, người cày có ruộng, giải phóng sức sản xuất ở nông thôn khỏi ách trói buộc của giai cấp địa chủ phong kiến, mới có thể chấm dứt tình trạng bần cùng và lạc hậu của nông dân, mới có thể phát động mạnh mẽ lực lượng to lớn của nông dân để phát triển sản xuất và đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn”⁽³⁾. Theo Người thực hiện cải cách ruộng đất sẽ đem lại rất nhiều lợi ích trên các mặt quân sự, kinh tế - tài chính, chính trị, văn hóa và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; có lợi cho mọi tầng nhân dân. Có ruộng đất nông dân sẽ muốn đấu tranh để giữ đất của mình do đó sẽ hăng hái tham gia bộ đội hơn; có ruộng đất nông dân sẽ hăng hái sản xuất, sẽ đủ ăn, đủ mặc từ đó nông nghiệp phát triển, kéo theo là công thương nghiệp phát triển, nguồn tài chính nhà nước cũng dồi dào theo; có ruộng đất nông dân sẽ phát triển hơn nền văn hoá, đời sống tinh thần phong phú hơn, quyền làm chủ của nhân dân được mở rộng hơn.

Thứ hai, thực hiện công tác vận động nông dân là công việc của Đảng, Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, của bản thân người nông dân trong đó vai trò nòng cốt là tổ chức Hội Nông dân và sự tiên phong, gương mẫu của cán bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Từ việc chỉ ra lợi ích của việc cải

(2) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.8, tr.31.

(3) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.8, tr. 353.

cách ruộng đất đem lại, Người cho rằng phát động quần chúng, vận động nông dân triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và giành ưu thế chính trị cho nông dân đó là một công tác trung tâm mà Đảng, Chính phủ và toàn dân phải thực hiện cho kỳ được.

Người xác định thực hiện cải cách ruộng đất không phải là một việc dễ làm đó là một cuộc cách mạng nông dân, một cuộc giai cấp đấu tranh ở nông thôn, rất rộng lớn, gay go và phức tạp, cho nên chuẩn bị phải thật đầy đủ, kế hoạch phải thật rõ ràng, lãnh đạo phải thật chặt chẽ, địa điểm phải định cẩn thận, thời hạn phải nắm chắc chắn, thi hành phải thật đúng đắn; phải có sự tham gia của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Người còn chỉ rõ trong quá trình thực hiện, trước hết cán bộ phải có lập trường cho vững, tư tưởng phải dứt khoát, tuyệt đối tránh chủ quan. Người viết: “Để phóng tay phát động quần chúng, thì tất cả cán bộ của chính quyền và đoàn thể đều phải được đánh thông tư tưởng, phải giữ vững lập trường, thấm nhuần chính sách của Đảng, Chính phủ và Mặt trận, theo đúng đường lối quần chúng. Phải chí công vô tư, toàn tâm toàn lực phục vụ lợi ích của quần chúng nông dân (trước hết là cố nông, bản nông và trung nông). Như thế, thì việc phát động quần chúng để triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức nhất định thành công tốt đẹp”⁽⁴⁾. Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ trách nhiệm của Đảng là “phải định phương châm, chính sách, phải

có kế hoạch, phải có tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Trước nhất là phải đánh thông tư tưởng trong Đảng, từ trên xuống dưới, phải đánh thông tư tưởng các tầng lớp nhân dân, trước hết là nông dân”⁽⁵⁾.

Người chỉ ra cách thức phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất là phải nhằm vào tổ chức, phải xây dựng, củng cố một cách chặt chẽ tổ chức Nông hội. Hội Nông dân sẽ thành lập một Ủy ban lâm thời bao gồm các thành viên được lựa chọn trong số những nông dân tích cực nhất để lãnh đạo phong trào để thi hành chính sách ruộng đất mới. Hội Nông dân cử cán bộ hội thực hiện việc “ba cùng” (cùng ở, cùng ăn, cùng làm), vận động nông dân nhằm thức tỉnh lòng căm thù của họ đối với bọn địa chủ để từ đó nông dân mạnh dạn truy tố tội ác của địa chủ và thông qua toà án nhân dân buộc địa chủ phải trả lại đất cho nông dân, xét xử địa chủ. Tuy nhiên quá trình thực hiện các hoạt động này, theo Người phải tuân theo đường lối chính sách chung của Đảng, tuân theo phương châm “phóng tay phát động quần chúng nông dân”, đi đúng đường lối quần chúng, có lãnh đạo chặt chẽ và theo đúng nguyên tắc phân chia ruộng đất là: lấy xã làm đơn vị, trên cơ sở nguyên canh, theo số lượng, chất lượng, vị trí gần hay xa của ruộng đất, dùng cách điều chỉnh nhiều bù ít, tốt bù xấu, gần bù xa mà chia; cần chiếu cố những nông dân trước đã cày những ruộng đất ấy.

(4) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, t.8, tr. 71.

(5) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, t.8, tr. 32.

Trong suốt quá trình phát động quần chúng tiến hành cải cách ruộng đất, Hồ Chí Minh thường xuyên theo dõi sát sao để kịp thời phê phán, chỉnh sửa những khuyết điểm của cán bộ, đảng viên như không biết tuyên truyền chính sách, không biết chấp hành chính sách, không thật “ba cùng”, “muốn nghĩ”, lập trường không vững, làm việc rụt rè, bao biện, mệnh lệnh, chủ quan, hình thức đồng thời biểu dương khen thưởng những cán bộ có tinh thần tham gia tích cực.

Tư tưởng cơ bản về nông dân và công tác vận động nông dân trong những năm 1953-1956 của Người cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị trong công tác vận động nông dân.

2. Sự vận dụng tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh qua chỉ đạo cải cách ruộng đất trong những năm 1953-1954 vào công tác vận động nông dân hiện nay

Một là, để vận động nông dân có hiệu quả trước hết phải nhận thức đúng về vai trò của nông dân Việt Nam hiện nay.

Từ cách nhìn nhận, đánh giá của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò quan trọng của nông dân Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng và trong thực tế nông dân đã phát huy vai trò quan trọng đó dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong Đảng Cộng sản Việt Nam đưa cách mạng Việt Nam đạt được những thắng lợi oanh liệt để đánh giá hiện nay trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp,

nông thôn, nông dân vẫn có vị trí, vai trò to lớn.

Hiện nay, nông dân vẫn là lực lượng đông nhất trong xã hội, là lực lượng vật chất có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc chuyển những chủ trương, nghị quyết của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thành hiện thực, đi vào cuộc sống; là lực lượng trực tiếp tiếp thu, ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Nông dân hiện nay vẫn là người gắn bó với đất đai, với nông nghiệp nên sẽ có kinh nghiệm khai thác và sử dụng tiềm năng đất đai một cách hợp lý, hữu ích; là người lưu giữ các giá trị văn hóa, truyền thống dân tộc, giữ gìn kế thừa và tiếp biến các giá trị văn hóa của thời đại vào xã hội, xây dựng nông thôn mới tiến bộ, văn minh, bình đẳng và đoàn kết; là chủ thể trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Với vị trí vai trò to lớn đó của nông dân, hiện nay để thực hiện đầy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nói riêng cần chú trọng đến việc vận động xây dựng người nông dân mới đáp ứng với yêu cầu của thời đại.

Hai là, xây dựng, củng cố và phát huy tổ chức Hội Nông dân Việt Nam làm nòng cốt trong công tác vận động nông dân hiện nay.

Nếu những năm 1953-1956, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó vai trò quan trọng của tổ chức Hội Nông

dân trong việc phát động quần chúng tiến hành cải cách ruộng đất đã được Bác khẳng định thì hiện nay công tác vận động Nông dân cũng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, tổ chức Hội Nông dân Việt Nam vẫn đóng vai trò nòng cốt. Tổ chức Hội Nông dân Việt Nam được khẳng định là một tổ chức chính trị - xã hội của nông dân, là tổ chức nắm và phản ánh tâm tư nguyện vọng của nông dân với Đảng và chính quyền; trực tiếp tổ chức tuyên truyền vận động hội viên nông dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ của công tác Hội; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nông dân.

Để tiến hành chăm lo lợi ích cho Nông dân, Hội Nông dân cần phải nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng của người nông dân. Trong thời kỳ tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhu cầu bức thiết của người nông dân là có ruộng đất để cày cấy, từ đó mới có cơm ăn áo mặc, có nhà ở. Trong thời kỳ hiện nay, nhu cầu ruộng đất vẫn là nhu cầu bức thiết nhất của nông dân nhưng không phải là nhu cầu có ruộng đất để cày cấy mà là nhu cầu sử dụng ruộng đất lâu dài. Ngoài ra, nông dân còn có các nhu cầu khác phù hợp với thời đại đó là: nhu cầu đầu tư cho sản xuất, nhu cầu vật chất và tinh thần nâng lên cả về số lượng, chất lượng (ăn ngon, mặc đẹp, nhà sang, hưởng thụ các giá trị văn hóa, nhu cầu dân chủ,...). Trên cơ sở những nhu cầu đó của người nông dân, Hội Nông dân Việt Nam dưới sự

lãnh đạo của Đảng và sự phối hợp với nhà nước tiến hành chăm lo lợi ích cho người nông dân trên các mặt: cải thiện dân sinh (xoá đói giảm nghèo), nâng cao dân trí (xây dựng đời sống văn hoá), thực hiện dân chủ (phát huy tính tự giác, sáng tạo của nông dân).

Từ những yêu cầu của Bác đặt ra cho người cán bộ khi tiến hành phát động quần chúng tiến hành cải cách ruộng đất trong những năm 1953-1956, ngày nay cần xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung và cán bộ Hội Nông dân nói riêng là phải: sâu sát, gần gũi với quần chúng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, kịp thời rút kinh nghiệm những mặt còn hạn chế, phát huy những mặt tích cực; hiểu biết đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thực hiện đúng chủ trương, đường lối, pháp luật đó; làm việc phải có kế hoạch và phải chịu sự kiểm tra, giám sát của tổ chức. Chính bản thân người cán bộ phải là những người gương mẫu, tiên phong về đạo đức, lối sống để tạo uy tín trước quần chúng, từ đó quần chúng mới nghe theo, thực hiện theo.

Tóm lại, tuy đã đi xa nhưng những quan điểm chỉ đạo cải cách ruộng đất của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm 1953-1956 cho đến hôm nay vẫn là kim chỉ nam cho Đảng, Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức, Hội Nông dân và cho mỗi người trong quá trình thực hiện công tác vận động nông dân, huy động sức mạnh của nông dân vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. □

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ NINH THUẬN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

❖ TS. Trương Tiền Hưng
[Hiệu trưởng Trường Chính trị]

Tóm tắt: Một trong số những nhiệm vụ của Trường Chính trị tỉnh là góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của chiến lược bảo vệ Tổ quốc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là học viên tại Trường. Bài viết khái quát những kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013, Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới của Trường rút ra những bài học kinh nghiệm và đề ra những giải pháp để tiếp tục góp phần thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong thời gian tới.

Từ khóa: Trường Chính trị tỉnh; Bảo vệ Tổ quốc; đào tạo, bồi dưỡng;

1. Khái quát tình hình chung và việc triển khai nhiệm vụ chính trị của Trường Chính trị Ninh Thuận

Trường Chính trị tỉnh là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Thường vụ tỉnh ủy. Trường Chính trị tỉnh có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị-hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp

luật của Nhà nước; kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Bộ máy Trường Chính trị tỉnh, gồm Ban Giám hiệu (Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng) và 05 phòng, khoa trực thuộc; số lượng viên gồm có 32/41 biên chế, ngoài ra còn có 04 hợp đồng theo Nghị định 68 và 03 hợp đồng ngắn hạn.

Trong thời gian qua nhà trường luôn được được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thường trực tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ. Đảng ủy, Ban Giám hiệu luôn quan tâm lãnh chỉ đạo, vận động đội ngũ viên chức, người lao động và gia đình tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, thực hiện thắng lợi chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Ngày 25/10/2013, Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ

Tổ quốc trong tình hình mới (gọi tắt là Nghị quyết). Nghị quyết thể hiện sâu sắc sự phát triển tư duy nhận thức lý luận của Đảng về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa với nội dung xác định rõ mục tiêu, quan điểm, phương châm chỉ đạo, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới của tình hình thế giới, khu vực, hội nhập quốc tế. Trong đó có những nội dung cơ bản đòi hỏi các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị quán triệt và tổ chức thực hiện: Một là, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; Hai là, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Ba là, phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của đất nước, nhất là vai trò của nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; Bốn là, giữ nước phải giữ từ thời bình; Năm là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế; Sáu là, xây dựng lực lượng vũ trang thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, làm nòng cốt cho toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Quán triệt sâu sắc những nội dung cơ bản của Nghị quyết, trong 10 năm qua, Đảng bộ và viên chức Trường Chính trị Ninh Thuận đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao góp phần vào việc xây dựng, phát huy sức mạnh tổng hợp, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, Trường đã góp phần triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của chiến lược bảo vệ Tổ quốc theo nghị quyết cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là học viên tại Trường.

Xác định rõ nhiệm vụ chính trị của Trường, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tiễn; phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu của đội ngũ viên chức nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho tỉnh. Cụ thể:

Trường đã tổ chức thực hiện tốt các chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp trong từng giai đoạn; nội dung giáo án giảng dạy luôn lồng ghép, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gắn với thực tiễn địa phương về các nội dung cụ thể.

Xác định nhiệm vụ chính trị trong thực hiện Nghị quyết số 35 là “xây” là chính, là cơ bản và lâu dài, nên giảng viên Trường đã lồng ghép linh hoạt, phù hợp các nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng thông qua các bài giảng, nâng cao nhận thức tư tưởng cho học viên về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ trương, đường lối

của Đảng, về chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết chuyên đề để học viên nhận diện và miễn nhiễm và góp phần đấu tranh chống các quan điểm, tư tưởng sai trái của các thế lực thù địch.

Trong 10 năm qua, thực hiện Chương trình đào tạo Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính theo Quyết định số: 2252-QĐ/HVCTQG ngày 02/5/2019 và Chương trình đào tạo Trung cấp Lý luận chính trị theo Quyết định số 292-QĐ/HVCTQG ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, những vấn đề cơ bản về chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chiến lược an ninh quốc gia; xây dựng và phát triển kinh tế xã hội gắn với quốc phòng an ninh được giảng dạy ở 65 lớp trung cấp lý luận chính trị, với trên 3391 học viên. Qua đó, giảng viên đã trang bị cho học viên nhận thức cơ bản như mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược an ninh quốc gia và các giải pháp nhằm phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh quốc gia, nhằm góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; ngoài ra, Trường còn phối hợp, liên kết với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường đại học, các trung tâm đào tạo được nhiều khóa về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị từ bậc cao học, đại học, cao cấp đến trung cấp chuyên môn, mở hàng trăm lớp bồi dưỡng với hàng chục ngàn lượt học viên.

Hàng năm, Trường phối hợp với

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức từ 1 - 2 lớp bồi dưỡng quốc phòng - an ninh đối tượng 3 với 20 chuyên đề, trong 10 năm đã tổ chức 14 lớp với tổng số 810 học viên là cán bộ thuộc các đối tượng Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương ở các cơ quan, đơn vị.

Công tác giảng dạy của nhà trường đã góp phần rất quan trọng trong công tác chính trị - tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, giúp đội ngũ cán bộ nhận thức rõ về bối cảnh chiến lược quốc tế và tình hình đất nước; về ta, về địch,... từ đó nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhận rõ bản chất kẻ thù, đối tượng, đối tác của cách mạng Việt Nam; kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; phê phán, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Lực lượng học viên này đã vận dụng được những kiến thức lý luận chính trị và các kiến thức khác góp phần vào xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng chủ trương, định hướng và tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước nói chung và địa phương nói riêng để từ đó góp phần xây dựng mỗi tổ chức Đảng vững mạnh, mỗi địa phương vững mạnh, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc.

Mặt khác, với chức năng, nhiệm vụ của mình, Trường còn tổ chức cho đội ngũ viên chức phát huy năng lực tham gia công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn góp phần làm sáng tỏ một

số vấn đề về đảng cầm quyền, về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Từ năm 2013 đến nay, Trường đã thực hiện được 12 đề tài khoa học cấp Trường, trong đó có nhiều đề tài đạt loại khá trở lên; tổ chức và tham gia nhiều hội thảo cấp bộ, ngành, khu vực và tỉnh. Nhiều viên chức tham gia các đề tài khoa học cấp tỉnh, viết bài đăng trên các tạp chí Trung ương, báo, tạp chí địa phương, các chuyên trang, chuyên mục trên Thông tin Lý luận và Thực tiễn, trên website của Trường, tích cực tham gia cuộc thi viết chính luận khoa học với chủ đề “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch trong tình hình mới”, qua hai năm, 100% giảng viên Trường tham gia với 40 bài viết. Thông qua các công trình nghiên cứu khoa học, các bài viết cho các báo, tạp chí trung ương, địa phương về các vấn đề thực tiễn và lý luận, những vấn đề mang tính thời sự, đề xuất những giải pháp cho sự phát triển ở một lĩnh vực, khía cạnh nào đó, viên chức Trường đã góp phần nhất định trong nâng cao nhận thức của Nhân dân về các vấn đề lý luận và thực tiễn, lan tỏa niềm tin trong Nhân dân về sự phát triển của đất nước về những thành tựu mà nước ta đạt được trong quá trình đổi mới.

Bên cạnh đó, cùng với các cấp, ngành ở địa phương, cơ sở, Trường cũng tích cực góp phần thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, công tác chăm lo xây dựng củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ.

Trong nội bộ, Trường luôn chú trọng công tác xây dựng Đảng bộ gắn với việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) và học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thường xuyên cập nhật và nâng cao chất lượng giáo dục Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho đảng viên và quần chúng nhằm thống nhất quan điểm, củng cố nhận thức, vững vàng niềm tin, đổi mới tư duy, năng động, sáng tạo trong hành động thực hiện nhiệm vụ chính trị; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ gắn với rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tích cực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của đội ngũ viên chức, phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu; thường xuyên thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, thực hành dân chủ, tổ chức tốt các phong trào thi đua, kịp thời phát hiện, nhân rộng các nhân tố tích cực, điển hình trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, không có các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong đội ngũ viên chức của trường,... Hàng năm Đảng bộ luôn đạt trong sạch, vững mạnh. Công tác cán bộ được củng cố và kiện toàn, trong đó tăng cường lực lượng giảng viên trẻ và giảng viên có trình độ sau đại học.

Với việc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong thời gian qua, Trường Chính trị Ninh Thuận đã góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Với những thành

tích đạt được từ năm 2013 đến nay, trường đã được hội đồng thi đua các cấp ghi nhận và có nhiều hình thức khen thưởng, như: Được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 3 cờ thi đua và nhiều bằng khen... nhiều lượt viên chức đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, cấp cơ sở. Nổi bật có 1 cá nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú; 2 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen,...

2. Bài học kinh nghiệm và nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

Từ những kết quả đạt được nêu trên có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm trong hoạt động của Trường là:

Phải bám sát lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND, của Học viện CTQG Hồ Chí Minh trong thực hiện nhiệm vụ chính trị; Tăng cường vai trò của Đảng ủy, Ban Giám hiệu trong việc thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; phải thật sự quan tâm, lồng ghép các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhất là các nội dung về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia, gắn xây dựng và phát triển kinh tế với nhiệm vụ an ninh, quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường và thường xuyên theo dõi, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện; Duy trì thường xuyên các

hoạt động thông tin thời sự liên quan đến “Bảo vệ Tổ quốc, an ninh quốc gia trong tình hình mới” cho đội ngũ viên chức, đội ngũ giảng viên để kịp thời cập nhật, lồng ghép trong các bài giảng cũng như tuyên truyền, vận động trong các khu dân cư.

Một số nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian tới để góp phần thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc của Trường là:

- Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, quán triệt việc thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính Phủ⁽¹⁾ cho đội ngũ viên chức, đảng viên, người lao động và học viên các lớp đang tham gia học tập, rèn luyện tại Trường. Qua đó nâng cao tinh thần tự giác, chủ động trong tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc;

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Nghị quyết số 33-NQ/TW Của Bộ Chính trị (khóa XII) về Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia; Nghị quyết

(1) “Về tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới, giai đoạn 2015-2020”; Hướng dẫn số 7210/HD-BQP, ngày 11/8/2015 của Bộ Quốc phòng và Kế hoạch số 3961/KH-BTL, ngày 30/10/2015 của Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng về triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính Phủ; Kế hoạch số 193/KH-UBND, ngày 18/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính Phủ về việc tổ chức “Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới, giai đoạn 2015-2020” trên địa bàn khu vực biên giới của tỉnh.

số 35-NQ/BTC, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”; kịp thời đề xuất khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong “Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”;

- Thường xuyên quan tâm công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ viên chức, đảng viên đạt chuẩn theo quy định; đủ năng lực và trình độ, đạo đức cách mạng để thực hiện nhiệm vụ chính trị góp phần thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 29/10/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Quyết định số 1087/QĐ-UBND, ngày 05/5/2016 của UBND tỉnh về Phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020, và thực hiện nhiệm vụ giai đoạn 2020-2025;

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ theo quy định của Đảng, Nhà nước, rà soát, phân loại tài liệu mật theo quy định, tăng cường công tác khai thác sử dụng trang Website của nhà trường; lãnh chỉ đạo thực hiện tốt nội quy, quy chế; thực hiện tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở,... Tiếp tục phối hợp mở các lớp bồi dưỡng cho lực lượng tự vệ cơ quan, doanh nghiệp, các lớp An ninh quốc phòng (đối tượng 3) và đưa các nội dung của

Chỉ thị cập nhật vào giảng dạy an ninh quốc phòng và các lớp Trung cấp lý luận chính trị...

Để thực hiện tốt nội dung trên, thời gian tới, Trường tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và những thành tích đã đạt được, tập trung triển khai thực hiện thành công Đề án số 05, ngày 26/7/2022 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn, tạo bước đột phá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao với chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới với phương châm “*Đoàn kết - Kỷ cương - Gương mẫu - Sáng tạo - Hiệu quả*”; tiếp tục quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc “Học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với việc thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương 4, Khóa XI về “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”; thực hiện tốt mô hình “Mỗi viên chức Trường Chính trị là tấm gương sáng cho học viên noi theo” nhằm xây dựng đội ngũ viên chức của Trường có bản lĩnh chính trị, vững vàng, đạo đức lối sống lành mạnh, có sức khỏe, trí tuệ, năng động, sáng tạo trong công tác, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, kỷ luật, xây dựng khối đoàn kết thống nhất về chính trị, tư tưởng, nhận thức và hành động, xứng đáng là cái nôi đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh nhà. □

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU THỰC TẾ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH NINH THUẬN

❖ ThS. Trần Thị Lệ Thủy
[GV. Khoa Lý luận cơ sở]

Tóm tắt: Hoạt động nghiên cứu thực tế là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động chuyên môn của đội ngũ giảng viên trường chính trị hiện nay, nhằm gắn lý luận với thực tiễn, giúp giảng viên cập nhật, bổ sung kiến thức thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy.

Từ khóa: Nghiên cứu thực tế, Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”. Điều đó cho thấy nghiên cứu thực tiễn, nắm bắt thực tiễn sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm, làm phong phú thêm những vấn đề mang tính lý luận.

Vì vậy, một trong những yếu tố góp phần nâng cao, đổi mới công tác giảng dạy lý luận chính trị tại các Trường Chính trị tỉnh chính là hoạt động nghiên cứu thực tế. Đây được coi là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động chuyên môn của đội ngũ giảng viên trường chính trị hiện nay. Tiêu chuẩn về nghiên cứu thực tế của giảng viên được quy định rõ tại điều 7, mục 1, chương

II Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG ngày 21/12/2021 về việc ban hành Quy chế quản lý đào tạo của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành. Cụ thể:

- Giảng viên tập sự: nghiên cứu thực tế ít nhất 15 ngày/năm;
- Giảng viên: nghiên cứu thực tế và hướng dẫn học viên đi nghiên cứu thực tế ít nhất 15 ngày/năm;
- Giảng viên chính: nghiên cứu thực tế và hướng dẫn học viên đi nghiên cứu thực tế 10 ngày/năm;
- Giảng viên cao cấp: nghiên cứu thực tế và hướng dẫn học viên đi nghiên cứu thực tế 05 ngày/năm;

Trong nhiều năm qua, Trường Chính trị Ninh Thuận đã xây dựng kế hoạch đi nghiên cứu thực tế cơ sở tại các địa phương trong tỉnh và tổ chức các chuyến đi nghiên cứu thực tế ngoại tỉnh nhằm tạo điều kiện cho các giảng viên giao lưu, học hỏi kinh nghiệm. Do đó, việc triển khai kế hoạch đi nghiên cứu thực tế hàng năm của trường đã trở thành nề nếp thường xuyên và đem lại kết quả khả quan, góp phần gắn kết lý luận và thực tiễn, qua đó nâng cao chất lượng giảng dạy đội ngũ giảng viên.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác nghiên cứu thực tế còn một số hạn chế cần khắc phục như sau:

Một là, Nội dung nghiên cứu thực tế chưa sinh động, còn nặng về đọc và nghe báo cáo, chứ chưa chú trọng nhiều đến trao đổi, chia sẻ giữa địa phương và đoàn nghiên cứu thực tế về các vấn đề thực tiễn, những khó khăn, vướng mắc của địa phương, nhiều vấn đề còn bỏ ngõ, chưa được giải đáp. Điều này xuất phát từ nguyên nhân có thể do tâm lý sợ làm phiền, không muốn gây khó dễ cho địa phương của giảng viên hoặc do khối lượng công việc nhiều, cán bộ ở địa phương rất bận không có nhiều thời gian để tiếp đoàn hoặc do giảng viên giảng dạy nhiều bộ môn khác nhau, nội dung nghiên cứu thực tế cũng khác nhau, cùng một thời điểm có nhiều vấn đề được đặt câu hỏi, địa phương sẽ không thể trao đổi hết được,...

Hai là, nghiên cứu thực tế đôi lúc còn mang tính hình thức. Một số giảng viên do bận giảng dạy hoặc nhiều lí do khác đã không trực tiếp đến địa phương để nghiên cứu thực tế mà việc này được thực hiện thông qua xin tài liệu, báo cáo qua điện thoại, gửi mail hoặc có một số nơi địa phương quá bận, không sắp xếp được thời gian nên địa phương chỉ cho báo cáo rồi giảng viên tự tổng hợp và viết báo cáo chuyên đề.

Ba là, sau các đợt nghiên cứu thực tế, giảng viên phải viết bài thu hoạch

hoặc báo cáo chuyên đề theo nội dung đã đăng ký. Tuy nhiên, chất lượng báo cáo kết quả nghiên cứu thực tế chưa cao, còn mang tính hình thức. Kết quả của báo cáo chưa được vận dụng nhiều vào quá trình giảng dạy.

Bốn là, hỗ trợ kinh phí, phương tiện đi lại còn khó khăn. Nếu trước đây, Trường có xe ô tô thì rất chủ động về thời gian nhưng hiện nay các khoa khi đăng ký đi nghiên cứu thực tế các điểm xa thì phải phối hợp liên khoa thì mới cho cơ chế thuê xe, điều này làm mất tính chủ động của các khoa khi xây dựng kế hoạch nghiên cứu thực tế.

Để đổi mới và nâng cao hiệu quả hơn nữa công tác nghiên cứu thực tế của Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận trong thời gian tới, tôi xin đưa ra một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, cần đổi mới nhận thức về công tác nghiên cứu thực tế. Nghiên cứu thực tế không chỉ là nghĩa vụ của giảng viên mà có ý nghĩa rất lớn đối với công tác giảng dạy của giảng viên. Thông qua nghiên cứu thực tế giảng viên nắm bắt kịp thời, cập nhật tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, cơ sở để bổ sung kiến thức thực tiễn vào bài giảng. Tuy nhiên, khi đưa kiến thức thực tiễn vào bài giảng đòi hỏi giảng viên phải có sự sắp xếp, chọn lọc, xử lý thông tin cho phù hợp với từng bài giảng.

Thứ hai, đổi mới nội dung nghiên cứu thực tế. Các buổi nghiên cứu thực

tế ở địa phương không nên chỉ tập trung vào đọc báo cáo mà nên chú trọng đến tọa đàm, trao đổi ý kiến giữa giảng viên với địa phương. Nội dung nghiên cứu cần tập trung vào những vấn đề mới phát sinh, những vấn đề nổi cộm, bức xúc của địa phương. Tập trung vào những vấn đề mà địa phương đang cần để tháo gỡ khó khăn. Không nên, đăng ký nội dung mà địa phương đã làm rất tốt bởi như vậy sẽ không phát huy được vai trò tham mưu, đề xuất của trường trong giải quyết vướng mắc của địa phương.

Thứ ba, đa dạng hóa hình thức tổ chức nghiên cứu thực tế. Không chỉ đi thực tế tại các xã, phường trong tỉnh để nghe báo cáo thực tế do địa phương, đơn vị chuẩn bị; trao đổi làm rõ thêm các vấn đề quan tâm; nghiên cứu sâu các mô hình, điển hình, tìm hiểu cách làm hay, làm mới của địa phương, đơn vị; tham quan các cơ sở sản xuất, kinh doanh; tham gia các hoạt động văn hóa - xã hội. Mà cần có sự chuyển hướng địa điểm nghiên cứu thực tế sang các sở, ban ngành của tỉnh, tham gia các hội nghị, hội thảo của các cơ quan ban ngành trong địa bàn tỉnh để tiến tới sự đa dạng trong hoạt động nghiên cứu thực tế, đồng thời cập nhật kiến thức trên nhiều lĩnh vực ở cấp vĩ mô.

Ngoài ra, Đảng ủy, Ban Giám hiệu cần đề xuất với Tỉnh ủy trong việc tổ chức thêm hình thức đưa viên chức, giảng viên đi xuống cơ sở nghiên cứu

thực tế có kỳ hạn tại các xã, phường, thị trấn trong tỉnh để nghiên cứu, thâm nhập thực tế. Thông qua hình thức này, giảng viên có thời gian tiếp cận, nắm bắt hoạt động ở cơ sở, va chạm thực tế, tích lũy kinh nghiệm, vốn sống để hoàn thiện năng lực chuyên môn, phục vụ trực tiếp cho quá trình giảng dạy, công tác và sinh sống.

Thứ tư, mỗi giảng viên cần phải thể hiện trách nhiệm của bản thân trong việc nghiên cứu thực tế, xác định rõ nghiên cứu thực tế là một hoạt động chuyên môn nhằm phục vụ cho công việc giảng dạy. Từ đó, mỗi giảng viên cần chủ động ngay từ khâu đăng ký, xây dựng kế hoạch của cá nhân trong năm, chủ động đề xuất nội dung, địa điểm, thời gian và nghiêm túc trong nghiên cứu thực tế, tránh cách làm hình thức, đối phó.

Thứ năm, Kết quả nghiên cứu thực tế phải được coi là một trong những tiêu chí để xác định việc thi đua, khen thưởng hàng năm. Trên cơ sở tổng hợp tất cả các tiêu chí thi đua, trong đó có việc hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu thực tế để bình xét khen thưởng, kỷ luật đối với giảng viên. Cần kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với những báo cáo thực tế hoặc báo cáo chuyên đề thực tế có chất lượng cao của đơn vị khoa hoặc của cá nhân, đồng thời có biện pháp chế tài đối với những báo cáo kết quả nghiên cứu thực tế không đạt yêu cầu. □

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH NINH THUẬN

❖ Nguyễn Thị Ngà

[GV. Khoa Nhà nước và Pháp luật]

Tóm tắt: Chuyển đổi số là xu thế tất yếu mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng là thách thức đối với các cấp, các ngành, địa phương, tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Bài viết nêu lên một số giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số tại Trường chính trị tỉnh Ninh Thuận.

Từ khóa: Giải pháp, Chuyển đổi số, Trường chính trị, Ninh Thuận.

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của các cá nhân và tổ chức về cách sống, cách làm việc từ môi trường thực mà chúng ta đã quen thuộc sang môi trường mới là môi trường số.

Hiện nay, Việt Nam đang tiến hành chuyển đổi số. Đặc biệt, trong các cơ quan nhà nước, quá trình thực hiện chuyển đổi số được chú trọng và đẩy mạnh thông qua việc sử dụng nguồn lực, hệ thống thông tin, trang thiết bị kỹ thuật để số hóa toàn bộ thông tin, dữ liệu, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi từ môi trường truyền thống sang môi trường số. Từ thực tiễn về quá trình chuyển đổi số và xây dựng các nền tảng số tại Việt Nam, xu hướng tất yếu là các cơ quan, tổ chức buộc phải chuyển từ môi trường làm việc truyền thống sang làm việc trong môi trường số. Điều này cũng phù

hợp với Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030⁽¹⁾.

Trong những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Thuận tuy còn nhiều khó khăn, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của Trung ương, và sự quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền cùng sự tham gia tích cực của cơ quan, đoàn thể, đơn vị, doanh nghiệp và người dân trong tỉnh, công tác ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh đã được đẩy mạnh và đạt một số kết quả bước đầu quan trọng, tạo nền tảng, động lực cho chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Ngày 26/11/2021, Tỉnh ủy Ninh Thuận đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về chuyển đổi số Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030. Theo đó, Ninh Thuận sẽ thực hiện chuyển đổi số trên ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, nhằm đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền số, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh

(1) Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

ng nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân trên môi trường số. Tỉnh ủy Ninh Thuận cũng đã xác định 9 lĩnh vực cần ưu tiên thực hiện chuyển đổi số gồm: Y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, thương mại điện tử - năng lượng, tài nguyên môi trường, doanh nghiệp - công nghiệp và du lịch.

Một trong những mục tiêu trọng điểm đến năm 2025, Ninh Thuận phát triển chính quyền số với 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động để phục vụ người dân, doanh nghiệp nhanh chóng, chính xác; 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc ở cấp huyện và 60% hồ sơ công việc ở cấp xã được xử lý trên môi trường mạng; tỷ lệ hài lòng của người dân với chính quyền số đạt 95%. Kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh, Ninh Thuận phấn đấu thuộc nhóm 15 tỉnh dẫn đầu cả nước về phát triển chính quyền số cấp tỉnh. Đến năm 2030, Ninh Thuận phấn đấu đạt 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 95% công việc hồ sơ ở cấp huyện và 80% hồ sơ công việc ở cấp xã được xử lý trên môi trường mạng; tỉnh phổ cập dịch vụ mạng di động 5G; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 80%; kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh; tỷ lệ hài lòng của người dân với chính quyền số đạt 98%. Ninh Thuận xây dựng thành công đô thị thông minh tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và phấn đấu thuộc nhóm 10 tỉnh dẫn đầu

cả nước về phát triển chính quyền số.

Hiện nay, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và truyền thông tại Ninh Thuận từng bước được đầu tư theo hướng hiện đại; đã kết nối hệ thống và tổ chức Hội nghị truyền hình trực tuyến liên thông 4 cấp từ Trung ương, tỉnh, huyện, xã, thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) và điều hành Đô thị thông minh (IOC) đảm bảo yêu cầu về bảo mật và an toàn thông tin. Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành được triển khai đến tất cả các sở, ban, ngành và đã hoàn thiện trực liên thông văn bản 4 cấp; cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh hoạt động ổn định, ngày càng nâng cao chất lượng. Chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) của tỉnh trong những năm qua luôn ở thứ hạng cao của cả nước (năm 2020 xếp hạng 10/63 tỉnh thành)⁽²⁾.

Kinh tế số, xã hội số của tỉnh từng bước hình thành và phát triển; số lượng doanh nghiệp ứng dụng ICT vào hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày một tăng; đã có nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới, dựa trên nền tảng công nghệ số và sử dụng Internet, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trường Chính trị tỉnh Ninh Thuận có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương

(2) Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Thuận

về lý luận chính trị; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; Kiến thức về một số lĩnh vực khác; Tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương. Trong thời gian qua, Nhà trường sớm đầu tư hệ thống hạ tầng mạng, lắp đặt wifi ở khu nhà Hiệu bộ, giảng viên, tại các hội trường, phòng học. Đồng thời thành lập trang web trường kết nối với trang web Tỉnh uỷ tỉnh Ninh Thuận, qua đó lịch công tác, lịch giảng các lớp, chương trình học toàn khóa cũng như nhiều hoạt động khác của trường được cập nhật một cách kịp thời, thường xuyên.

Đặc biệt, trước tình hình phức tạp của dịch COVID-19, các lớp đào tạo, bồi dưỡng phải dừng giảng dạy trực tiếp, Nhà trường chủ động đổi mới, ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động, đặc biệt Trường đã sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến, tổ chức tập huấn cho đội ngũ giảng viên về kỹ thuật, kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm. Trong thời gian ngắn, cán bộ, viên chức Nhà trường đã từng bước nắm bắt công nghệ thông tin, áp dụng thành công việc giảng dạy trực tuyến. Qua đó giúp Trường hoàn thành kịp thời nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng trong năm; tiến độ lịch học của học viên không bị đình trệ. Nhà trường được Tỉnh đầu tư và đưa vào sử dụng phòng họp trực tuyến từ

năm 2021. Từ đó đến nay, việc tập huấn, hội thảo, hầu hết được thực hiện theo hình thức trực tuyến trên phần mềm Microsoft Teams do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức.

Thực hiện quản lý văn bản trên hệ thống phần mềm E-office, tổ chức tập huấn phần mềm cho đội ngũ cán bộ, viên chức nhà trường. Quá đó việc triển khai, tổ chức thực hiện chủ trương đường lối của đảng, pháp luật của nhà nước, văn bản của cấp trên kịp thời, đảm bảo thời gian quy định; Trong 6 tháng đầu năm 2023 Nhà Trường thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng và cung trang thiết bị phục vụ giảng dạy và làm việc, lắp đặt hệ thống camera giám sát lớp học; thực hiện công tác quản trị mạng, công tác thông tin, viết bài trên Website của Trường. Thực hiện tốt công tác thư viện, đảm bảo phục vụ công tác nghiên cứu và học tập cho đội ngũ viên chức và học viên của Trường⁽³⁾.

Bên cạnh kết quả đạt được, việc thực hiện chuyển đổi số tại Trường chính trị tỉnh Ninh Thuận theo tinh thần thực hiện Nghị quyết Nghị quyết số 09-NQ/TU về chuyển đổi số Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 vẫn còn nhiều hạn chế, đó là: Hạ tầng mạng, dịch vụ mạng chưa đáp ứng hết nhu cầu sử dụng, đặc biệt là ở khối giảng viên và các phòng học học viên việc truy cập mạng còn chậm, chất lượng kết nối thấp;

(3) đã phát gần 1.700 cuốn giáo trình cho 155 học viên; hơn 70 lượt học viên và giảng đến thư viện mượn tài liệu; Bổ sung hoàn chỉnh 63 đầu sách mới và đang tiếp tục hoàn thiện bổ sung thêm 35 đầu sách mới cho thư viện.

Trình độ và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác của của đội ngũ cán bộ, viên chức nhà Trường vẫn còn nhiều hạn chế; Một số giảng viên chưa thực hiện tốt giáo án điện tử, việc thiết kế slide bài giảng vẫn chưa sáng tạo; Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các phần mềm quản lý học viên vẫn còn chưa nhiều, chất lượng chưa cao. Hiện tại hệ thống thư viện trường còn thiếu cơ sở vật chất đặc biệt là chưa thực hiện được thư viện số ảnh hưởng đến việc cập nhật tài liệu của đội ngũ giảng viên và học viên.

Để thực hiện tốt chuyển đổi số tại Trường chính trị tỉnh Ninh Thuận thiết nghĩ cần thực hiện một số giải pháp sau:

Đối với Nhà Trường:

Cần tăng cường tuyên truyền, đổi mới tư duy, nhận thức của từng cán bộ, viên chức về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong công tác, chuẩn bị các điều kiện về nguồn lực tài chính, hạ tầng thiết bị, đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị để phát triển hạ tầng công nghệ đảm bảo phục vụ tốt cho dạy và quản lý, ứng dụng một số phần mềm hiệu quả để quản lý học viên, quản lý cán bộ viên chức. Chú trọng công tác chuyển đổi số để thực hiện thư viện số; xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ quản lý, giảng viên, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tập huấn, mời chuyên gia cập nhật công nghệ thông tin cho đội ngũ viên chức nhà trường.

Đối với viên chức Trường.

Mỗi viên chức phải không ngừng học hỏi, đặc biệt đối với giảng viên, chuyên viên phòng đào tạo, hành chính cần trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng sử dụng tốt các phương tiện, thiết bị điện tử, máy tính, liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin cho việc giảng dạy, quản lý học viên. Có nhiều sáng kiến kinh nghiệm trong việc thực hiện chuyển đổi số .

Với vai trò là giảng viên khoa Nhà nước và Pháp luật nhìn nhận được vai trò và tính tất yếu của việc thực hiện chuyển đổi số, bản thân sẽ giành nhiều thời gian để cập nhật kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy, vận dụng liên hệ việc thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 và Nghị quyết số 09- NQ/TU về chuyển đổi số Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 vào nội dung một số bài học thuộc chương trình Trung cấp lý luận chính trị như bài: Thực hiện pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội; Bài: Cải cách hành chính ở cơ sở và một số nội dung thuộc Chương trình bồi dưỡng Chuyên viên như bài Kỹ năng làm việc trong môi trường số, nhằm đưa ra giải pháp phù hợp thực hiện tốt quá trình chuyển đổi số trong thời gian tới tại tỉnh Ninh Thuận. Bên cạnh đó hướng học viên nhận thức đầy đủ về vị trí vai trò của chuyển đổi số, phát huy năng lực sở trường, thực hiện tốt nhiệm vụ góp phần thúc đẩy chuyển đổi số tại tỉnh Ninh Thuận.□

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ VẬN DỤNG VÀO BÀI QUẢN LÝ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

❖ Thái Lê Minh Trang

[Gv kiêm nhiệm phòng QLĐT&NCKH]

Tóm tắt: Kinh doanh trên lĩnh vực thương mại điện tử (TMĐT) đang là xu thế hiện nay. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh trực tuyến càng phát triển đem lại nhiều thách thức đối với công tác quản lý thuế TMĐT. Do vậy, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả thu thuế đối với hoạt động TMĐT, đồng thời trở thành một nguồn tham khảo để vận dụng vào bài giảng Quản lý ngân sách địa phương.

Từ khóa: Thương mại điện tử, thuế thương mại điện tử, quản lý thuế

Kể từ khi đại dịch Covid-19 diễn ra, hoạt động kinh doanh trên sàn TMĐT dần trở thành xu thế, mang lại nhiều lợi ích không những cho các cá nhân, tổ chức kinh doanh mà còn cho người tiêu dùng. Với lợi thế, người mua không phải mất thời ra trực tiếp đến cửa hàng, người bán không tốn tiền thuê mặt bằng trưng sản phẩm do đó giá thành rẻ hơn so với hình thức kinh doanh truyền thống. Hình thức kinh doanh này ngày càng phát triển mạnh mẽ, mang lại lợi nhuận khổng lồ, tạo công ăn việc làm cho nhiều người lao động. Thực tế cho thấy, đây là hoạt động kinh doanh khá mới mẻ, có sự biến đổi nhanh chóng vì vậy đặt ra thách thức không nhỏ đối với công tác quản lý của nhà nước, trong đó có quản lý thuế đối với TMĐT.

Trong bước đi đầu tiên đối với

công tác quản lý thuế thương mại điện tử, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử. Và sau đó, căn cứ tình hình thực tiễn, Chính phủ ban hành một số văn khác liên quan đến vấn đề nâng cao hiệu quả đối với công tác này.

Quản lý thuế trong lĩnh vực TMĐT vừa qua đạt nhiều kết quả nổi bật, nhờ nắm bắt kịp thời xu hướng và áp dụng công nghệ vào quản lý thuế. Các cơ quan ngành thuế đã triển khai rất đồng bộ các biện pháp quản lý thuế đối với hoạt động TMĐT từ tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế tự kê khai chịu trách nhiệm trên Cổng thông tin điện tử của ngành thuế; tích cực tham gia đàm phán Hiệp định đa phương về phân bổ quyền đánh thuế đối với thu nhập từ hoạt động kinh tế số; hoàn thiện quy định, chính sách pháp luật về thuế để tăng cường trách nhiệm của các sàn TMĐT trong việc khai thuế, nộp thuế thay cho các hộ kinh doanh các cá nhân kinh doanh; đến hiện đại hóa công tác quản lý thuế; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để kết nối, lưu trữ thông tin hỗ trợ người nộp thuế.

Theo dữ liệu khai thác được từ Cổng thông tin thương mại điện tử tại quý IV-2022 cho thấy, tổng số tổ chức

trong nước đăng ký bán hàng trên sàn thương mại điện tử là 14.875; tổng số tổ chức nước ngoài đăng ký bán hàng trên sàn là 8; tổng số cá nhân trong nước đăng ký bán hàng trên sàn là 53.208; tổng số cá nhân nước ngoài đăng ký bán hàng trên sàn là 4. Như vậy, đã có hơn 68.000 tổ chức, cá nhân đăng ký bán hàng trên sàn thương mại điện tử với số lượt giao dịch là 14.503.719; tổng giá trị giao dịch khoảng 4.500 tỷ đồng. Trong cả năm 2022, doanh thu thương mại điện tử bán lẻ tại Việt Nam đạt 16,4 tỷ USD, tăng 20% so với năm 2021, chiếm 7,5% doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng cả nước.

Số liệu trên, có thể thấy rằng đây là một kết quả đáng ghi nhận trong bước đầu thực hiện thu thuế TMĐT. Tuy nhiên, trong năm 2022, cơ quan thuế mới chỉ thu được hơn 600 tỷ đồng của các tổ chức, cá nhân có thu nhập từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, cung cấp dịch vụ số của Việt Nam. Dù sức mua bán và giao dịch trên những sàn này là rất lớn nhưng số thuế nộp ngân sách nhà nước từ kinh doanh TMĐT chưa tương xứng với tiềm năng phát triển, gây thất thu ngân sách nhà nước. Hơn thế nữa, điều này đang gây mất bình đẳng giữa những người kinh doanh.

Kinh doanh trên sàn TMĐT không còn là hoạt động của của riêng địa phương hay quốc gia nào, trong đó có tỉnh Ninh Thuận. Chính vì vậy công tác quản lý thuế ở Ninh Thuận, đặc biệt trên lĩnh vực TMĐT được các cơ quan nhà nước, cơ quan chuyên môn hết sức quan tâm, chú trọng. Với sự phát triển nhanh chóng của TMĐT, thực tiễn cho ta thấy nhiều

khó khăn, thách thức đang được đặt ra trong công tác quản lý thuế ở địa phương. Khó khăn, thách thức lớn nhất hiện nay đó là khả năng quản lý nguồn thu và đối tượng nộp thuế. Trong khuôn khổ nhằm vận dụng vấn đề được nêu vào chương trình trung cấp lý luận chính trị, cụ thể là bài Quản lý ngân sách địa phương, qua đó cung cấp cho học viên về nguồn thu thuế mới được bổ sung theo Nghị định của Chính Phủ và thực trạng trong công tác quản lý. Tác giả bài viết mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục tình trạng trốn thuế trong lĩnh vực TMĐT và nâng cao hiệu quả công tác thu thuế trên lĩnh vực này như sau:

Một là, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, có cơ chế khuyến khích các đối tượng nộp thuế tự giác trong việc nộp thuế. Cần thừa nhận rằng công tác quản lý thuế ở nước ta vẫn chưa có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, đặc biệt trên nền tảng số nên người nộp thuế luôn tìm mọi cách trốn thuế bằng cách này hay cách khác. Vì thế, cần có một cơ chế tốt để người nộp thuế tính toán, cân nhắc thấy rằng việc tự giác khai báo thuế sẽ được nhiều lợi ích hơn là cố tình trốn thuế, từ đó điều chỉnh hành vi thực hiện nghiêm các quy định về thuế. Ở Ninh Thuận, qua công tác tuyên truyền vận động, người bán hàng trên TMĐT đã tiến hành đăng ký kinh doanh trên TMĐT theo quy định pháp luật nhưng trên thực tế, tính đến nay địa phương vẫn không có nhiều khoản thu từ nguồn này, bởi người bán hàng có đăng ký nhưng họ báo rằng không phát sinh doanh thu trên nền tảng số. Có thể dễ dàng nhận ra, kinh doanh không có doanh thu là điều vô lý nhưng rất khó kiểm soát hết những mảnh khoe của

người nộp thuế. Vì vậy, cơ chế khuyến khích họ tự giác vẫn là vấn đề cần được quan tâm.

Hai là, đẩy mạnh xây dựng hạ tầng công nghệ. Đối với hoạt động thu thuế đúng và đủ trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống đã là một việc làm khó khăn, thì trên lĩnh vực TMĐT càng khó khăn hơn. Tuy nhiên, điểm thuận lợi ở chỗ nếu tập trung nâng cao xây dựng hạ tầng công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số đồng bộ để có được cơ sở dữ liệu số sẽ bảo đảm phục vụ rất tốt cho công tác quản lý thuế. Trên cơ sở quản lý hiện đại bằng công nghệ số giúp hỗ trợ rà soát, cập nhật thông tin của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh TMĐT một cách đầy đủ, nhanh chóng, chi tiết. Nếu ai có hành vi trốn thuế thì có đầy đủ thông tin để áp dụng chế tài khi các đơn vị này không thực hiện đúng thỏa thuận như đã cam kết về thuế, phí khi tham gia sàn thương mại.

Ba là, tăng cường đào tạo chuyên sâu cho công chức thuế về các kiến thức về TMĐT và công nghệ thông tin, đào tạo kỹ năng khai thác dữ liệu điện tử để phục hoạt động quản lý, thanh tra để nâng cao năng lực quản lý cho các cán bộ công tác quản lý thuế trong lĩnh vực TMĐT.

Bốn là, tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức ngành thuế. Đội ngũ công chức ngành thuế có vị trí, vai trò quan trọng trong bộ máy ngành thuế. Họ là những người đại diện Nhà nước thực hiện các quy định pháp luật thuế, hỗ trợ người nộp thuế nhằm nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào ngân sách nhà nước, lắng nghe ý kiến phản ánh

của Nhân dân về những khó khăn, vướng mắc của người nộp thuế, tạo điều kiện để người nộp thuế phát triển sản xuất kinh doanh làm ăn chính đáng. Chính vì vậy, đội ngũ công chức thuế phải luôn giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tránh tình trạng thông đồng, móc nối với các cơ quan, cá nhân, đơn vị kinh doanh thực hiện hành vi trốn thuế. Những trường hợp đó sẽ phải được xử lý nghiêm, kiên quyết để tiến tới môi trường bình đẳng trong thực hiện chính sách thuế.

Tóm lại, vấn đề thất thu thuế luôn là đề tài đáng chú ý từ trước đến nay. Chính vì thế, Nhà nước thường xuyên đưa ra các giải pháp để thực hiện tốt công tác này. Tuy nhiên, tình trạng này vẫn còn diễn ra và luôn là thách thức không nhỏ đối với cơ quan nhà nước nói chung và cơ quan ngành thuế nói riêng. Với quyết tâm chính trị, thu thuế đạt chỉ tiêu Nhà nước đưa ra, hy vọng cơ quan ngành thuế tích cực thực hiện tốt những giải pháp được đề xuất hoặc những giải pháp hữu hiệu khác được đưa ra phù hợp với những khó khăn, vướng mắc gặp phải trên thực tế, để công tác thu thuế nói chung và quản lý thuế TMĐT nói riêng đạt nhiều thành công hơn nữa, tương xứng với tiềm năng và xu hướng phát triển của TMĐT trong thời gian tới. Những kiến thức có trên đây sẽ là nguồn tài liệu hữu ích để bản thân vận dụng vào bài 3, Quản lý Ngân sách địa phương thuộc học phần D.I Quản lý hành chính nhà nước. Cụ thể, là tiểu mục 1.3.1. Nguồn thu của ngân sách địa phương. Qua đó, giúp cho học viên nắm được thực trạng thu thuế TMĐT tại địa phương có thể tham mưu các giải pháp về vấn đề trên đối với cán bộ, công chức làm tại bộ phận liên quan. □

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở XÃ LÂM SƠN HUYỆN NINH SƠN. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

❖ Vũ Văn Vân

[GV kiêm chức Phòng QLĐT & NCKH]

Tóm tắt: Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là một công tác có tính quan trọng sống còn đối với 1 đảng lãnh đạo, mục đích của công tác này là nhằm xây dựng một Đảng đoàn kết về chính trị, vững vàng về tư tưởng và kiện toàn, linh hoạt trong việc tổ chức bộ máy đảng. Bài viết khái quát thực trạng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở xã Lâm Sơn để đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác này.

Từ khóa: Công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; hệ thống chính trị.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm chăm lo xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh. Từ khi giành được chính quyền, Đảng vừa là một bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị, vừa là hạt nhân lãnh đạo hệ thống ấy. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh chi phối tính chất, mục tiêu, nhiệm vụ, hiệu quả xây dựng hệ thống chính trị. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động các tổ chức của hệ thống chính trị chính là thước đo năng lực lãnh đạo, uy tín, vị thế, địa vị cầm quyền của Đảng.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định bảo đảm sự thành công của công cuộc đổi mới. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng, tăng cường hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị.

Lâm Sơn là xã miền núi của huyện Ninh Sơn, nằm dọc quốc lộ 27, phía Đông giáp xã Lương Sơn, phía Tây giáp thị trấn Dran-Lâm Đồng, phía Nam giáp xã Hòa Sơn, phía Bắc giáp xã Phước Hòa huyện Bác Ái. Tổng diện tích tự nhiên 14.927,59ha với tổng giá trị sản xuất kinh tế năm 2022 đạt 516,094 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 13%.

Toàn xã có 3.371 hộ/14.044 khẩu được phân bố ở 10 thôn, trong đó có 5 thôn là đồng bào dân tộc thiểu số, có 6.371 khẩu/1.461hộ. Tổng số hộ nghèo toàn xã còn 114 hộ; Hộ cận nghèo còn 209 hộ, tỷ lệ 5,25% (giảm 209 hộ). Về tôn giáo tập trung chủ yếu vào 03 tôn giáo chính: Thiên chúa giáo, Phật giáo và Tin lành. tổng số hộ nghèo đa chiều 313 hộ chiếm tỷ lệ 7,73%.

Trong những năm qua nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, xã Lâm Sơn đã rất chú trọng đến công tác này, thể hiện trên những khía cạnh sau:

Trước hết về công tác chính trị, tư tưởng: Đảng ủy xã Lâm Sơn đã đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và địa phương; tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nghị quyết Hội nghị lần thứ năm, thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII). Chỉ đạo triển khai học tập, quán triệt chuyên đề năm 2022 gắn với Kết luận 21-KL/TW; các quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, quy định những điều đảng viên không

được làm, các chỉ thị, nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được triển khai sâu rộng từ xã đến chi bộ với chủ đề “tự soi, tự sửa”. Công tác nắm bắt, phản ánh, định hướng tình hình tư tưởng, tâm trạng và dư luận xã hội được quan tâm.

Xã triển khai thực hiện công tác quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031. Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ đối với các chi bộ trực thuộc. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Chỉ đạo tổ chức Đại hội các chi bộ trực thuộc, nhiệm kỳ 2022-2025. Bầu bổ sung chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lâm Sơn, nhiệm kỳ 2021-2026. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được quan tâm, tham gia học các lớp trung cấp và cao cấp lý luận chính trị. Lập danh sách 06 đồng chí học lớp đảng viên mới 2022; 03 quần chúng ưu tú học lớp Bồi dưỡng kết nạp Đảng 2022.

Công tác xây dựng chi bộ và kết nạp đảng viên mới được chú trọng (*đã kết nạp 08/06 đồng chí, đạt 133,3%, nâng tổng số đảng viên toàn xã là 131 đảng viên*). Tổ chức kiểm điểm, đánh giá chi bộ cuối năm 2022, tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ xã xét công nhận và khen thưởng 03/17 chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; xét khen thưởng 08 cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Đảng. Tiếp nhận, giới thiệu sinh hoạt Đảng 05 trường hợp; chuyển sinh hoạt đảng 03 đồng chí; chuyển Đảng chính thức 05 đồng chí. Tổ chức Lễ Trao tặng Huy hiệu 30 năm, 40 năm tuổi Đảng (02 đồng chí).

Đối với công tác kiểm tra, giám sát, Đảng ủy xã đã tập trung lãnh chỉ đạo triển khai, quán triệt các văn bản của cấp trên liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát,

thi hành kỷ luật Đảng và triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thi hành kỷ luật đảng theo chương trình, kế hoạch năm đề ra. Ban Thường vụ Đảng ủy tổ chức 02 cuộc kiểm tra, giám sát đối với 01 chi bộ (*thôn Lâm Quý*), 01 đoàn thể (*Hội Cựu chiến binh*). Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tổ chức 01 cuộc kiểm tra đối với 02/17 chi bộ trực thuộc về việc thu, chi, quản lý, sử dụng nguồn thu đảng phí của chi bộ từ ngày 01/01/2021 - 30/3/2022.

Đồng thời, Đảng ủy cũng rất quan tâm đến *công tác vận động quần chúng* thông qua việc chỉ đạo tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các phong trào thi đua yêu nước và mô hình “Dân vận khéo” gắn với xây dựng nông thôn mới tiếp tục được quan tâm; phát huy hiệu quả công tác dân vận chính quyền, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức theo hướng gần dân, tôn trọng dân, lắng nghe ý kiến của dân.

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội xã tăng cường thực hiện đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập trung hướng về thôn; thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; vai trò giám sát, phản biện xã hội tiếp tục phát huy, tích cực tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Nhờ thực hiện tốt các công tác trên mà hiệu lực, hiệu quả điều hành của chính quyền đã được nâng cao rõ rệt. Hội đồng nhân dân tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; đổi mới và tăng cường

công tác giám sát. Tổ chức tiếp xúc cử tri với đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp. Tổ chức các kỳ họp định kỳ và chuyên đề thông qua các nhiệm vụ quan trọng của địa phương. Các Ban Hội đồng nhân dân xã xây dựng kế hoạch hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ.

Ủy ban nhân dân xã tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ngay từ đầu năm. Quan tâm phát triển nông nghiệp; đẩy mạnh thực hiện xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Việc giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, nhưng bên cạnh đó công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của xã Lâm Sơn vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục. Do vậy, để nâng cao hiệu quả của công tác này trong thời gian tới, tôi xin mạnh dạn đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, về công tác chính trị tư tưởng: Đảng ủy cần tiếp tục tuyên truyền thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy, Huyện ủy và Kết luận 01-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05 và Kết luận 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW4 (khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới;

Thứ hai, về công tác tổ chức xây dựng Đảng: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng thật sự trong sạch vững mạnh; nâng cao chất lượng hoạt

động của cấp ủy, chi bộ, trước hết là phát huy nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường ý thức tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng. Phát triển đảng viên cả về số lượng và chất lượng. Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của cấp ủy, chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ;

Thứ ba về công tác kiểm tra giám sát của Đảng: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) và Thông báo kết luận số 156-TB/TW ngày 01/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; đồng thời tiếp tục thực hiện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII).

Thứ tư, về công tác Dân vận của Đảng: Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động, kế hoạch của Ban thường vụ về lãnh đạo đối với công tác dân vận trong tình hình mới; tăng cường đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Khoa Xây dựng Đảng, đoàn thể, hiện đang đảm nhiệm học phần C.I - Xây dựng Đảng trong Chương trình Trung cấp lý luận chính trị, thực trạng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở xã Lâm Sơn sẽ là những dẫn chứng cụ thể, sinh động cho giảng viên trong Khoa vận dụng khi giảng dạy các bài trong học phần này như bài 5 - Công tác tư tưởng của tổ chức cơ sở đảng, bài 7 - Công tác dân vận hay cả bài 8 - Công tác kiểm tra giám sát. Đồng thời, từ thực trạng xã Lâm Sơn, giảng viên và học viên nghiên cứu và trao đổi, đề xuất những giải pháp kiến nghị tại chính đơn vị và địa phương các học viên đang công tác. □

HIỆU QUẢ TRONG CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA ĐẢNG ỦY XÃ PHƯỚC HOÀ HUYỆN BẮC ÁI

❖ **Trịnh Thị Bích Ngân**

[GV. Khoa Xây dựng Đảng, đoàn thể]

Tóm tắt: Đảng ủy xã Phước Hòa xác định công tác dân vận chính là mạch nối duy trì mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân do đó trong thời gian qua đã lãnh đạo thực hiện công tác dân vận đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế nhất định. Bài viết đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận của Đảng ủy xã Phước Hòa trong thời gian tới.

Từ khóa: Công tác dân vận; xã Phước Hòa; huyện Bắc Ái.

Xã Phước Hòa nằm ở phía Tây huyện Bắc Ái, phía Đông giáp xã Phước Tân, phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Nam giáp huyện Ninh Sơn, phía Bắc giáp xã Phước Bình. Xã có diện tích 124,83km², dân số là 1.860 người, mật độ dân số đạt 15người/km². Trước đây, Phước Hòa là một xã thuộc huyện Ninh Sơn, ngày 6/11/2000, huyện Ninh Sơn được chia thành 2 huyện là Ninh Sơn và Bắc Ái do đó xã Phước Hòa chuyển sang thuộc huyện Bắc Ái như hiện nay.

Trong thời gian vừa qua, Đảng ủy đã kịp thời quan tâm chỉ đạo UBND, Mặt trận - các tổ chức chính trị - xã hội, các chi bộ trực thuộc triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng ủy, huyện và đưa ra nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác dân vận. Triển khai đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác dân vận, công tác dân vận khéo, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, Năm dân vận chính quyền. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; tăng

cường đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết 6 Chi thị và Nghị quyết của Trung ương, tỉnh, huyện.

Đảng ủy xã luôn quan tâm củng cố tổ chức Mặt trận, các đoàn thể và lãnh đạo đi vào hoạt động có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng hoạt động được nâng lên; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tích cực công tác vận động tuyên truyền tầng lớp Nhân dân thực hiện Chính sách, Pháp luật của Nhà nước, các phong trào và cuộc vận động của UBMTTQVN phát động, cùng với việc tuyên truyền về cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp; phối hợp tổ chức các hoạt động, xây dựng các chương trình, kế hoạch và duy trì thực hiện các mô hình “Dân vận khéo” năm 2022; chủ động công tác vận động, tuyên truyền đến cán bộ và toàn dân trong việc phòng, chống, ngăn ngừa dịch bệnh Covid - 19.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị xã hội tiếp tục thực hiện quan điểm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, triển khai đồng bộ 08 cuộc vận động và 22 phong trào thi đua trong toàn xã; các nhiệm vụ được triển khai tích cực, bám sát yêu cầu chỉ đạo của cấp ủy thường xuyên tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ và Nhân dân các Nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là kết quả Đại hội Đảng bộ xã; Chi thị 05 - CT/TW của Bộ Chính trị;

Chương trình quốc gia xây dựng Nông thôn mới; Quyết định 217-QĐ/TW, 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị; Quyết định 99, Quy định 124 của Ban Bí thư, tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia giám sát việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống của đảng viên qua đó đã góp phần thực hiện trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh ở địa phương, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người dân; củng cố niềm tin của các tầng lớp Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước.

Trong năm qua, Mặt trận luôn thường xuyên phát động các phong trào nhằm đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới”, “Xây dựng làng văn hóa”, “Gia đình văn hóa”; duy trì thực hiện mô hình thấp sáng nông thôn mới 2/2 thôn, mỗi hộ gia đình đều có tường rào; vận động đóng góp ủng hộ các quỹ như “Quỹ vì người nghèo”, “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”, ủng hộ đồng bào lũ lụt; chuẩn bị tổ chức ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc tại thôn Tà Lọt được Nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ và gắn với công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện công tác phòng, chống Covid-19.

Trong năm lãnh đạo Hội phụ nữ xã các phong trào như phong trào giúp nhau làm kinh tế gia đình, thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo, vận động và thực hiện tốt chương trình kế hoạch hoá gia đình và đồng thời thực hiện tốt chương trình của Trung ương hội. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và các cuộc vận động xây dựng gia đình “5 không 3 sạch”. Phong trào rèn luyện với các tiêu chí “tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang”; tham gia xây dựng nông thôn mới phù hợp

thực tế của địa phương.

Lãnh đạo Hội nông dân xã thực hiện tốt phong trào của hội, Điều lệ hội, lãnh đạo hoạt động chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phong trào xóa đói giảm nghèo, phong trào thi đua sản xuất giỏi, tham gia các phong trào như: tăng cường phối hợp tuyên truyền và tổ chức thực hiện đến cán bộ, hội viên nông dân về các chủ trương của Đảng; Pháp luật của Nhà nước, gắn với thực hiện dân vận khéo.

Lãnh đạo Đoàn thanh niên tập trung triển khai chương trình công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi gắn với chủ đề “tự hào tiến bước dưới cờ Đảng”, “tháng thanh niên”, tích cực tuyên truyền vận động cán bộ, đoàn viên, thanh niên thực hiện phong trào thi đua “Dân vận khéo” tham gia giúp Nhân dân phát triển sản xuất, nhất là phong trào “Tuổi trẻ Phước Hòa chung tay xây dựng nông thôn mới” có nhiều hiệu quả thiết thực, tổ chức cho đoàn viên, thanh niên tham gia xây dựng các công trình; trồng cây xanh, làm sạch môi trường, tham mưu cấp uỷ, chính quyền địa phương các nội dung nông thôn mới. Thực hiện tổ chức thành công Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã, nhiệm kỳ 2022-2027.

Ngoài ra, Đảng uỷ xã lãnh đạo Hội Cựu chiến binh tiếp tục nêu cao vai trò gương mẫu trong phong trào phát huy bản chất anh bộ đội Cụ Hồ, gắn với chủ đề tiếp tục thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; xây dựng chuẩn mực đạo đức Cựu chiến binh “Trung thành - đoàn kết - gương mẫu - đổi mới”; phối hợp thăm tặng quà nhân ngày thương binh liệt sĩ 27/7; duy trì thường xuyên công tác sinh hoạt và hoạt động của hội, tích cực tham gia các phong trào ở địa phương; Thực hiện tổ chức thành công

Đại hội Hội Cựu chiến binh xã, nhiệm kỳ 2022-2027.

Thực hiện có hiệu quả công tác liên tịch giữa công an, xã đội với các ngành có liên quan trong công tác quản lý bảo vệ rừng, vận động thanh niên thực hiện tốt luật nghĩa vụ quân sự; xây dựng quỹ hội; giúp nhau xoá đói giảm nghèo, vận động đóng góp ủng hộ các quỹ như “Quỹ vì người nghèo”, “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”.

Lãnh đạo Công đoàn tập trung tuyên truyền các chỉ thị, Nghị quyết, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, phối hợp tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, giao lưu tọa đàm nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm; chăm lo lợi ích chính đáng của người lao động; triển khai, vận động cán bộ công chức, lao động hăng hái thi đua lao động sản xuất lập thành tích chào mừng sự kiện trọng đại của đất nước, duy trì các hoạt động của công đoàn; phối hợp liên tịch với Hội đồng nghĩa vụ quân sự tổ chức họp xét thực lực và công tác chuẩn bị khám tuyển nghĩa vụ quân sự.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác dân vận của Đảng ủy xã Phước Hòa vẫn còn những hạn chế nhất định như: công tác phối hợp chưa thường xuyên, việc chỉ đạo đổi mới phương thức hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa được mạnh mẽ, công tác nắm bắt tình hình tư tưởng trong Nhân dân còn thiếu chiều sâu.

Kế thừa những kết quả đạt được trong thời gian vừa qua, để tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác dân vận, khắc phục những hạn chế, khó khăn thời gian tới Đảng ủy xã cần đề ra và thực hiện tốt một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục Nhân dân về chấp

hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định ở địa phương; vận động, thuyết phục Nhân dân hưởng ứng tham gia phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, quốc phòng,... Đồng thời đổi mới công tác dân vận theo hướng thiết thực, sáng tạo, hướng đến mục tiêu đồng thuận, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ hai, trong thực hiện nhiệm vụ dân vận, chính quyền, đoàn thể, cán bộ chuyên môn, cán bộ địa phương phải cùng nhau hợp tác mật thiết, phối hợp chặt chẽ, bàn bạc kỹ lưỡng, phân công rõ ràng để phát huy hiệu quả dân vận theo thể mạnh, sở trường, chức trách của từng người, tạo thành sức mạnh tổng hợp. Đặc biệt phải lãnh đạo, chỉ đạo việc kiểm tra, đôn đốc và có sự phối hợp giữa các tổ chức để thực hiện công tác dân vận nhịp nhàng, đồng bộ, hiệu quả.

Thứ ba, thường xuyên bồi dưỡng phương pháp “Dân vận khéo”, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có tinh thần tôn trọng và phục vụ nhân dân; xây dựng và thực hành phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”. Rèn luyện cho cán bộ Đảng viên vận dụng thành thạo các bước công tác dân vận trong tình hình mới.

Thứ tư, chú trọng xây dựng và nhân rộng các điển hình “Dân vận khéo” chặt chẽ từ lựa chọn mô hình; dự kiến nhân sự; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, phương pháp dân vận; xây dựng cơ sở vật chất và điều kiện cần thiết cho công tác dân vận đến thử nghiệm mô hình và tổ chức rút kinh nghiệm, học tập, vận dụng để nhân rộng mô hình. □

ĐẢM BẢO QUYỀN TỰ DO TÔN GIÁO TRONG KHUÔN KHỔ PHÁP LUẬT

❖ Võ Thị Kim Loan

[GV. Khoa Nhà nước và Pháp luật]

Tóm tắt: Công tác tôn giáo là một trong những mối quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước ta, thực hiện tốt công tác tôn giáo sẽ góp phần tạo sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Do đó, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật để tôn giáo hoạt động và phát huy vai trò trong đời sống xã hội

Từ khóa: quyền tự do tôn giáo; pháp luật về tôn giáo; luật tín ngưỡng, tôn giáo

Chính sách về tôn giáo là một trong những mối quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước ta, nhất là trong bối cảnh nhiều thế lực thù địch lợi dụng yếu tố tôn giáo gây kích động, thù hằn, chia rẽ dân tộc như hiện nay. Trong công cuộc lãnh đạo, điều hành đất nước, Đảng và Nhà nước luôn khẳng định: Một trong những động lực chủ yếu để phát triển đất nước là chính sách đại đoàn kết toàn dân, trong đó rất coi trọng đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo vì lợi ích của đất nước, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của Nhân dân. Vì vậy, tạo dựng một cơ chế pháp lý đầy đủ, tiến bộ; có chính sách phù hợp cho các tôn giáo phát triển tự do, bình đẳng, hài hòa trên tinh thần pháp luật, gắn bó với nhau trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc góp phần xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là vấn đề hết sức cần thiết.

Theo cách hiểu của ngôn ngữ

học: “Tôn giáo có thể hiểu là một hình thái ý thức xã hội hình thành nhờ vào lòng tin sùng bái những lực lượng siêu nhiên quyết định số phận con người. Con người phục tùng, tôn thờ”⁽¹⁾.

Ph.Ăng ghen lại cho rằng: “... Tôn giáo chẳng qua là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ, chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng trần thế đã mang hình thức của lực lượng siêu trần thế”⁽²⁾.

Tôn giáo theo quy định tại Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) “là niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức”⁽³⁾. Như vậy, có nhiều cách hiểu khác nhau về tôn giáo khi xem xét trên các khía cạnh ngôn ngữ học, triết học hay luật học,... Tuy nhiên, các khái niệm đều có cách nhìn thống nhất: Tôn giáo là hình thái ý thức xã hội, là niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, vô hình, mang tính thiêng

(1) Từ điển tiếng Việt, Nxb Khoa học xã hội, năm 1995, trang 239.

(2) Các Mác, Ăng ghen toàn tập Nxb Chính trị QG. HN: 2002, trang 20, 437

(3) Khoản 5, Điều 2 Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

liêng, được chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách hư ảo, nhằm lý giải những vấn đề mang tính siêu hình của con người. Niềm tin đó được biểu hiện rất đa dạng, được vận hành bằng những giáo điều, nghi lễ, hành vi tôn giáo khác nhau của từng cộng đồng xã hội tôn giáo khác nhau. Và những người tin, theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo đó thừa nhận được gọi là tín đồ. Với cách hiểu về tôn giáo như vậy và theo quy định của Pháp lệnh tín ngưỡng tôn giáo về điều kiện để tổ chức được công nhận là tổ chức tôn giáo, hiện nay ở Việt Nam có 14 tôn giáo, trong đó có 6 tôn giáo lớn là Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Tin Lành, Cao Đài và Hòa Hảo và một số tôn giáo khác như: Baha'i, đạo Ba-la-môn, Bửu Sơn Kỳ Hương, tôn giáo Mặc Môn,... với 24 triệu tín đồ tôn giáo, chiếm khoảng 27% dân số cả nước, 38 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận, cấp đăng ký hoạt động⁽⁴⁾.

Đảng và Nhà nước ta luôn có quan điểm nhất quán về vấn đề tôn giáo, theo đó các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Đại hội XIII của Đảng thể hiện tinh thần: Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Quan tâm và

tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của các tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc hoặc những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái quy định của pháp luật. Trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng ghi rõ: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước”. Đây là quan điểm xuyên suốt của Đảng, Nhà nước trong vấn đề tôn giáo để tạo điều kiện cho các tôn giáo phát triển hài hòa, lành mạnh góp phần cho việc xây dựng khối đoàn kết dân tộc.

Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) là minh chứng mạnh mẽ cho mối quan tâm của Đảng, Nhà nước trong hoàn thiện pháp luật, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, tiến bộ cho các tôn giáo hoạt động. Nhiều nội dung trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo có tính mới, tiến bộ so với Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo 2004. Điều 6 của Luật đã cụ thể hóa quy định tại Điều 24 Hiến pháp năm 2013 “*Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào*”. Kể cả với người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù;... đều có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo. Như vậy, quyền tự do tôn giáo là quyền của tất cả mọi người và quyền

(4) Trang thông tin điện tử Ban Tôn giáo Chính phủ - <http://btgcp.gov.vn/plus.aspx/vi/1>

này không bị giới hạn bởi quốc tịch, giới tính, độ tuổi, xuất thân,...

Bên cạnh đó, Điều 7 của Luật quy định về quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. Theo đó, tổ chức tôn giáo được quyền hoạt động, tổ chức sinh hoạt tôn giáo theo hiến chương, điều lệ; được xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm, đồ dùng tôn giáo; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo cũng như được nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tự nguyện tặng cho.

Như vậy, các điều kiện thiết yếu để duy trì, phát triển các hoạt động tôn giáo của các tổ chức tôn giáo đã được đảm bảo về mặt pháp lý một cách toàn diện, đầy đủ. Luật đã giảm các quy định xin, cho, bổ sung các quy định thông báo như: thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc; thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc; thông báo hoạt động của cơ sở đào tạo tôn giáo; thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo. Đây cũng là quy định phù hợp với xu hướng hiện nay nhằm hạn chế sự can thiệp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào công việc nội bộ của các tổ chức tôn giáo.

Với những quy định đầy đủ, tiến bộ của Luật tín ngưỡng, tôn giáo về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của con người, chắc chắn rằng hoạt động tôn giáo sẽ được duy trì, phát triển trong khuôn khổ pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của Nhân dân, tiếp tục góp phần quan trọng vào công

cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tại tỉnh Ninh Thuận hiện có 08 tôn giáo đang hoạt động: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Baha'I, Balamôn, Bani và Islam. Phật giáo có 87.037 tín đồ, 172 chức sắc, 129 chức việc, 123 cơ sở thờ tự; Công giáo có 83.088 tín đồ, 62 chức sắc, 235 chức việc, 59 cơ sở thờ tự; Tin Lành có 8.352 tín đồ, 20 chức sắc, 49 chức việc, 06 cơ sở thờ tự; Cao Đài có 1.597 tín đồ, 26 chức sắc, 104 chức việc, 04 cơ sở thờ tự; Balamôn có 48.271 tín đồ, 88 chức sắc, 113 chức việc, 20 cơ sở thờ tự; Bani có 28.369 tín đồ, 101 chức sắc, 103 chức việc, 07 cơ sở thờ tự; Islam có 2.827 tín đồ, 59 chức sắc, 31 chức việc, 04 cơ sở thờ tự; Baha'I có 120 tín đồ, 09 chức việc. Nhìn chung, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện, tuyên truyền, vận động chức sắc, tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Do đó, tình hình tôn giáo trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản tuân thủ pháp luật, đúng hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo có tinh thần đoàn kết, tích cực tham gia và hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới, sống tốt đời, đẹp đạo; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị.

Mặc dù, tình hình tôn giáo trên cả nước và tại từng địa phương tương đối ổn định. Hệ thống pháp luật về tôn giáo đã tạo môi trường pháp lý ổn định, tiến bộ cho các tôn giáo hoạt động, vừa nhằm đáp ứng nhu cầu về đời sống tâm linh, tinh thần của Nhân dân. Nhưng, trên thực tế hiện nay, tôn giáo luôn là “vùng đất màu mỡ” trong âm mưu diễn biến hòa bình chống Việt Nam của các thế lực thù địch, phản động. Những lực lượng chống đối tìm cách lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo, để phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, kích động chống đối, nhằm làm mất ổn định chính trị - xã hội, tạo cơ can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta. Họ luôn bóp méo, xuyên tạc, vu cáo chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam là bóp nghẹt tự do tôn giáo, đòi tôn giáo phải độc lập và không chịu sự quản lý của Nhà nước. Đây là những yêu cầu, đòi hỏi phi lý, nhằm tạo ra những phản ứng tiêu cực trong một bộ phận chức sắc, nhà tu hành của các tôn giáo. Các tôn giáo ở Việt Nam dù nội sinh hay ngoại nhập, cần phải phát triển hòa đồng với văn hóa dân tộc và dưới sự quản lý của Nhà nước. Đây là yêu cầu khách quan, bởi vì không có một tôn giáo nào đứng ngoài quốc gia, dân tộc và đứng trên lợi ích quốc gia, dân tộc. Đồng thời, họ lợi dụng những sự việc về kinh tế kêu gọi các chức sắc tôn giáo tụ tập đông người, có những hành vi quá khích gây mất an ninh trật tự, chống lại lực lượng thi hành công vụ, nhưng bản chất mang màu sắc chính trị rất rõ ràng. Chẳng hạn, như trên địa bàn Tây Nguyên, qua đấu tranh, các lực lượng chức năng của ta đã làm rõ

“Tin lành Đê ga” thực chất là một tổ chức phản động đội lốt tôn giáo để lừa bịp, tập hợp lực lượng, phục vụ âm mưu thành lập “Nhà nước Đê ga”. Hay các vụ việc lợi dụng sự cố môi trường, các vấn đề xã hội, một số giáo dân không hiểu thực chất chính sách tôn giáo của Nhà nước nên một số kẻ xấu và một bộ phận những người có chức sắc tôn giáo kêu gọi tụ tập đông người, gây mất trật tự an ninh. Đây là những sự việc vi phạm nghiêm trọng pháp luật và đi ngược đường hướng, giáo lý của tôn giáo, trái với chức trách, bổn phận của một tôn giáo đối với đời sống xã hội.

Vì thế, để tiếp tục đảm bảo môi trường hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo lành mạnh, Nhà nước cần tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiến tạo xây dựng hệ thống pháp luật tiến bộ, phù hợp với thực tiễn yêu cầu khách quan trong đời sống tinh thần của Nhân dân. Nhưng đồng thời, Nhà nước cũng sử dụng pháp luật để điều chỉnh hoạt động của các tôn giáo, hành vi của của tín đồ, chức sắc phù hợp với lợi ích chung của xã hội. Mọi hoạt động lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo đi ngược lại lợi ích của Tổ quốc, dân tộc, gây phương hại an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội đều phải bị lên án, đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm. Do đó, tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo gắn với thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị, về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới là vấn đề cấp thiết trong công tác tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay. □

BÀN VỀ GIÁ TRỊ CỦA QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT SÁT VỚI GIÁ ĐẤT TRÊN THỊ TRƯỜNG TRONG DỰ THẢO LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2023

❖ ThS. Lưu Tích Thái Hòa
[Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật]

Tóm tắt: Trong Dự thảo Luật Đất đai năm 2023, bỏ quy định khung giá đất, thay vào đó quy định cụ thể về nguyên tắc định giá đất phù hợp với giá trị thị trường. Việc bỏ khung giá đất, xác định giá theo thị trường được xem là bước đột phá lớn trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất, tạo nên thay đổi căn bản về các vấn đề kinh tế trong chính sách pháp luật về đất đai. Vì vậy, Bài viết bàn thêm về khái niệm giá trị của quyền sử dụng đất, giá đất trên thị trường.

Từ khóa: Giá trị của quyền sử dụng đất, giá đất trên thị trường.

Luật Đất đai 2013 quy định giá trị của quyền sử dụng đất trong khung phải ngang bằng với giá thị trường, nhưng trên thực tế chỉ bằng khoảng 30 - 70% giá thị trường, kể cả đất nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp. Còn riêng đối với đất tại đô thị thì chỉ bằng khoảng 30% giá đất thị trường. Đây là nguyên nhân chính gây tình trạng thất thu ngân sách Nhà nước từ thuế sử dụng đất, phí và lệ phí, tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, cũng như từ tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước; người dân chịu thiệt khi bị thu hồi đất,...

Bàn về vấn đề này, trong dự thảo Luật đất đai năm 2023 cần các khái niệm liên quan đến giá đất có thể phát sinh trong thực tế, chuẩn hóa các thuật ngữ như “giá đất, giá đất phổ biến trên thị

trường, bảng giá đất, thửa đất chuẩn, giá đất cụ thể...”, để nhất quán cách hiểu và áp dụng sau này.

Một là, Giá đất là giá trị của quyền sử dụng đất tính trên một đơn vị diện tích đất.

Hai là, giá đất phổ biến trên thị trường trong điều kiện bình thường (tại Điều 153/Khoản 2) nên được làm rõ: Là bình quân giản đơn của các mức giá giao dịch thực tế trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng (giá đất giao dịch trung bình thị trường) trong thời gian nhất định (2 tuần/tháng), đã loại trừ các yếu tố đột biến, có thể gọi là giá trị của quyền sử dụng đất chuẩn/giá đất tham chiếu. Nên bổ sung quy định trường hợp không có, hoặc có quá ít giao dịch thực tế trước đó thì xử lý như thế nào. Theo đó, nên quy định việc thu thập các mức giá giao dịch thực tế là mức giá diễn ra tại mỗi thời điểm nhất định ở từng địa phương nhằm đảm bảo khả thi, nhất quán khi áp dụng.

Việc xác định giá đất còn phải đảm bảo các nguyên tắc theo mục đích sử dụng đất định giá; theo thời hạn sử dụng đất và các yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất; tuân thủ đúng phương pháp, trình tự, thủ tục định giá đất theo quy định của pháp luật; bảo đảm tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, trung thực, khách quan của kết quả định giá đất giữa

cơ quan định giá, cơ quan thẩm định và cơ quan quyết định.

Để xác định được bảng giá đất phù hợp với thị trường, phải xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá đất thị trường tại các địa phương cũng như tiếp tục nghiên cứu để sửa đổi quy định về phương pháp xác định giá đất. Đồng thời phải lập bản đồ vị trí các thửa đất ở mỗi địa phương, từ đó mới có cơ sở để xác định giá trị của quyền sử dụng đất sát với giá trị của quyền sử dụng đất trên thị trường tại mỗi thời điểm cụ thể.

Ví dụ: giá chuyển nhượng trong các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản hầu như được người chuyển nhượng khai báo thấp để tránh bị đánh thuế cao. Do đó, những thông tin về giá trị bất động sản như vậy nhiều khi không chính xác.

Định giá bất động sản nói chung và giá đất nói riêng là một nghề, là lĩnh vực đòi hỏi tính chuyên nghiệp hóa cao, với những kiến thức chuyên sâu, có tiêu chuẩn đạo đức hành nghề, là sự độc lập, không chịu sự chi phối hay sức ép về tài chính hay quyền lực của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Ở các nước, việc định giá tài sản đều do các công ty tư vấn, các tổ chức định giá chuyên nghiệp thực hiện, để đảm bảo tính trung thực, khách quan của nguồn tin và kết quả định giá, đặc biệt tránh tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi” hay “thẩm quyền kép”.

Các tổ chức định giá đất độc lập sẽ thực hiện những hoạt động cụ thể ở từng địa phương như: xây dựng bảng giá đất trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xác định giá đất cụ thể đối với từng trường hợp pháp luật quy định. Các tổ chức định giá đất cần

thực hiện một cách khách quan các tiêu chuẩn định giá đất.

Về tính giá đất trong bồi thường: Trong trường hợp xác định giá đất tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi phải xác định theo phương thức giá đất được xác định dựa trên tiêu chuẩn định giá và sự thỏa thuận với chủ thể có quyền sử dụng đất, trường hợp không thỏa thuận được về giá thì chủ thể bị thu hồi đất có quyền yêu cầu cơ quan định giá thẩm định giá đất, hoặc trường hợp một bên không đồng ý với giá cơ quan thẩm định đưa ra thì có quyền yêu cầu cơ quan định giá khác thẩm định lại giá đất tính bồi thường... Có như vậy, hoạt động định giá đất mới đảm bảo được tính khách quan, minh bạch và giá đất do cơ quan định giá đất xác định sẽ phản ánh đúng giá trị của thị trường.

Ba là, bảng giá đất là bảng tập hợp giá đất chuẩn (giá đất phổ biến trên thị trường trong điều kiện bình thường) theo vùng giá trị đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Cần quy định bảng giá đất sẽ được công bố 02 năm/1 lần, vào ngày 01 tháng 01). Vì đây là khoảng thời gian thuận lợi nhất cho địa phương trong việc nắm tình hình thực tế về bảng giá đất, sự biến động về giá trị sử dụng của từng vị trí thửa đất, từ đó địa phương mới có cơ sở để xây dựng và hoàn thiện bảng giá đất trong những năm tiếp theo.

Bốn là, nên bổ sung định nghĩa “Thửa đất chuẩn”. Thửa đất chuẩn là thửa đất có đặc tính về diện tích, hình thể, kích thước mang tính đại diện cho các thửa đất trong vùng giá trị trong điều kiện bình thường (loại trừ các yếu tố bất thường), được chọn làm thửa đất chuẩn để định giá cho các thửa đất khác trong vùng giá trị. □

NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ TƯ PHÁP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 98/2022/NĐ-CP

❖ Nguyễn Thành Linh
[GV. Khoa Nhà nước và Pháp luật]

Ngày 29/11/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2022/NĐ-CP của phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp. Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/01/2023, trong đó có một số điểm mới cụ thể như sau:

Một là, Cụ thể hóa chức năng của Bộ Tư pháp đối với trợ giúp pháp lý và công tác pháp chế.

Điều 1 của Nghị định số 98/2022/NĐ-CP tiếp tục kế thừa vị trí, chức năng của Bộ Tư pháp quy định tại Nghị định số 96/2017/NĐ-CP: “Bộ Tư pháp là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Xây dựng và thi hành pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, bồi thường nhà nước, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, công tác pháp chế; quản lý nhà nước các dịch vụ sự nghiệp công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ”.

Trong đó, Nghị định mới bổ sung chức năng về trợ giúp pháp lý và công

tác pháp chế nhằm thể chế hóa chức năng quan trọng của Bộ Tư pháp triển khai qua nhiều năm theo quy định của luật chuyên ngành tại Luật Trợ giúp pháp lý và Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.

Hai là, bổ sung một số nhiệm vụ thống nhất với quy định tại các văn bản luật chuyên ngành.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp đã được rà soát, sửa đổi đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý với các bộ, ngành khác. Điều 2 của Nghị định số 98/2022/NĐ-CP quy định bổ sung 03 khoản so với Nghị định số 96/2017/NĐ-CP.

Cụ thể, Nghị định mới đã cập nhật, bổ sung một số nhiệm vụ thống nhất với quy định tại các văn bản luật chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Tư pháp như: tiếp cận thông tin; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; công tác pháp luật quốc tế; hợp tác quốc tế về cải cách tư pháp và pháp luật, v.v..

Bên cạnh đó, các nhóm nhiệm vụ

đã được sắp xếp lại so với Nghị định số 96/2017/NĐ-CP để đảm bảo quy định ngắn gọn và có tính liên kết giữa các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Ba là, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Tổ chức bộ máy của Bộ Tư pháp được kiện toàn trên nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển.

So với Nghị định số 96/2017/NĐ-CP, hiện nay cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp quy định tại Điều 3 Nghị định số 98/2022/NĐ-CP đã giảm 02 đơn vị, trong đó sáp nhập Vụ Thi đua - Khen thưởng vào Vụ Tổ chức cán bộ, sáp nhập Cục Công tác phía Nam vào Văn phòng Bộ.

Một số đơn vị thuộc Bộ được chuyển đổi mô hình theo yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong triển khai nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp, cụ thể: Chuyển đổi Cục Con nuôi thành Vụ Con nuôi; chuyển đổi Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật thành Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật. Đồng thời, đổi tên Viện Khoa học pháp lý thành Viện Chiến lược và khoa học pháp lý nhằm thực hiện Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 16/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ

Tư pháp đến năm 2021, định hướng đến năm 2030.

Điều 3 Nghị định số 98/2022/NĐ-CP đã bỏ các quy định mang tính liệt kê số lượng phòng thuộc Văn phòng, Thanh tra thuộc Bộ và số lượng phòng của các Cục trong Nghị định để phù hợp với quy định của Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Vụ Thi đua - Khen thưởng, Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật, Cục Con nuôi, Cục Công tác phía Nam tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ cho đến khi Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Bộ, Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật, Vụ Con nuôi.

Việc tìm hiểu những quy định mới tại Nghị định số 98/2022/NĐ-CP có giá trị trong việc nghiên cứu về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, chức năng, tổ chức của Bộ Tư pháp - cơ quan thuộc Chính phủ; góp phần bổ sung lý luận và thực tiễn khi nghiên cứu, giảng dạy các bài thuộc chương trình Trung cấp Lý luận chính trị và chương trình Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên. □

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2023/NĐ-CP NGÀY 5/3/2023 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ NGUNG HIỆU LỰC THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU TẠI CÁC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN, GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

❖ ThS. Phạm Hưng Long
[GV. khoa Nhà nước và Pháp luật]

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp ở Việt Nam bắt đầu được hình thành từ năm 2000 và từ năm 2011 thị trường bắt đầu phát triển, đặc biệt giai đoạn từ năm 2020 đến những tháng đầu năm 2022, thị trường trái phiếu doanh nghiệp ở Việt Nam đột ngột tăng quy mô rất mạnh. Theo số liệu của Hiệp hội Thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA), trong hai năm 2020 và 2021, khối lượng phát hành lần lượt gần 462.000 tỷ đồng và 658.000 tỷ đồng. Mặc dù phải chịu lãi suất cao, trung bình khoảng 10%/năm nhưng các doanh nghiệp vẫn ồ ạt phát hành trái phiếu, dẫn tới quy mô trái phiếu ngày càng lớn.

Bộ Tài chính đã nhận ra những bất cập này và đánh giá được những rủi ro và đưa ra những khuyến nghị, ban hành các hướng dẫn, văn bản để chấn chỉnh. Tháng 9/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh

niệp ra thị trường quốc tế. Tuy nhiên, diễn biến thị trường trái phiếu doanh nghiệp đang gặp rất nhiều bất lợi. Từ cuối năm 2022 cho đến nay, lượng trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn quy mô lớn gây nên áp lực tài chính đối với các doanh nghiệp phát hành. Đồng thời, các thị trường trọng yếu đang gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là thị trường bất động sản giảm sút nghiêm trọng do nhiều nguyên nhân khách quan, kết hợp với các nguồn vốn khác đều eo hẹp. Do đó, để tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 5/3/2023 sửa đổi, bổ sung và ngung hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch thị trường trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán thị trường trái phiếu ra thị trường quốc tế nhằm khắc phục những bất cập trước đây. Một số điểm mới của Nghị định số 08 bao gồm:

Thứ nhất, có thể thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác

Nghị định số 08/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung nhiều điểm mới về trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu.

Cụ thể, theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, thì doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm: “Thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu”.

Ngoài nội dung quy định như trên, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP bổ sung quy định: Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, trường hợp doanh nghiệp phát hành không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi trái phiếu bằng đồng Việt Nam theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, doanh nghiệp có thể đàm phán với người sở hữu trái phiếu để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác theo các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Đối với ngành, nghề đầu tư

kinh doanh có điều kiện thì còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó.

b) Phải được người sở hữu trái phiếu chấp thuận.

c) Doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bất thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định của pháp luật”.

Thứ hai, Được kéo dài kỳ hạn trái phiếu tối đa không quá 2 năm

Điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định: Doanh nghiệp không được thay đổi kỳ hạn của trái phiếu đã phát hành.

Quy định trên đã được Nghị định 08/2023/NĐ-CP sửa đổi theo hướng cho phép doanh nghiệp được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu nhưng phải đảm bảo một số nguyên tắc quy định.

Cụ thể, Nghị định số 08/2023/NĐ-CP nêu rõ về việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này.

- Trường hợp kéo dài kỳ hạn của

trái phiếu thì thời gian tối đa không quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư.

- Đối với người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu thì doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận).

b) Phải được người sở hữu trái phiếu chấp thuận.

c) Doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bất thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, tạm ngưng quy định xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân, xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp

Nghị định 08/2023/NĐ-CP nêu rõ, ngưng hiệu lực thi hành đối với

các quy định sau đây tại Nghị định số 65/2022/NĐ-CP đến hết ngày 31/12/2023:

1. Quy định về việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân tại điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.

2. Quy định về thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt phát hành tại khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.

3. Quy định về kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu tại điểm e khoản 2 Điều 12 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 65/2022/NĐ-CP.

Như vậy, việc ban hành Nghị định 08/2023/NĐ-CP thể hiện rõ vai trò của Nhà nước đối với thị trường, cụ thể là thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Để Nghị định số 08/2023/NĐ-CP đạt được hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, tạo lập thị trường trái phiếu doanh nghiệp lành mạnh, củng cố niềm tin nhà đầu tư thì cần phải có sự tuân thủ theo đúng quy định pháp luật của các bên tham gia. Nghị định có hiệu lực kể từ ngày ký (ngày 05/3/2023).□